

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Lã Thị Tuyết Nhung
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Văn Hồng Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẢI NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lã Thị Tuyết Nhung
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Văn Hồng Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lã Thị Tuyết Nhung Mã SV: 1312401143
Lớp: QT1703K Ngành: Kế toán - Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần
đầu tư và phát triển Hải Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Thực trạng tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2016 phục vụ công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Văn Hồng Ngọc

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, có nhiều cố gắng trong quá trình sưu tầm tài liệu phục vụ cho đề tài tốt nghiệp.

- Thường xuyên liên lạc, trao đổi với giáo viên hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến đề tài tốt nghiệp. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết vào thực tiễn trong các ví dụ của đề tài.

- Đảm bảo đúng tiến độ của bài viết theo quy định của Nhà trường, Khoa và giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận được chia thành 3 chương có bố cục và kết cấu rõ ràng, cân đối, hợp lý.

- Tác giả đã nêu được lý luận chung về công tác kế toán hàng hóa trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ; thực tiễn tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam, có số liệu minh họa cụ thể.

- Tác giả đã đề xuất được một vài ý kiến về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam. Các giải pháp có tính thực tiễn và khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: 10

Bằng chữ: Mười điểm

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Văn Hồng Ngọc

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1.1. Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1.2. Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán hàng hóa	3
1.1.3. Nguyên tắc đánh giá.....	4
1.1.3.1. Đánh giá hàng hóa nhập kho.....	4
1.1.3.2. Đánh giá hàng hóa xuất kho.....	5
1.2. Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại	7
1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong DN	7
1.2.1.1. Kế toán hàng hóa theo phương pháp thẻ song song	7
1.2.1.2. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	10
1.2.1.3. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư	11
1.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong DN	12
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên. .	12
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ	16
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18
1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	20
1.4.1. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Nhật ký chung	20
1.4.2. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Nhật ký sổ cái	22
1.4.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ	25
1.4.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Kế toán máy	29

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CP ĐT & PT HẢI NAM.....	31
2.1. Khái quát về công ty CP ĐT & PT Hải Nam.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	31
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	32
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	33
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	33
2.1.3.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	35
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty CP ĐT & PT Hải Nam.	37
2.2.1. Đặc điểm và nguyên tắc đánh giá hàng hóa tại công ty CP ĐT & PT Hải Nam.	37
2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty.	38
2.2.2.1. Thủ tục nhập- xuất hàng hóa:.....	38
2.2.2.2. Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty cổ phần DT&PT Hải Nam	40
2.2.2.3. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.	59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CP ĐT & PT HẢI NAM.....	63
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.	63
3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty Đầu tư và phát triển Hải Nam trong thời gian tới.	63
3.1.2. Những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng.	63
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.....	67
3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty CP ĐT & PT Hải Nam.	67
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	68
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty. ..	70
3.2.3.1. Về việc sử dụng phần mềm kế toán	70
3.2.3.2. Về việc hoàn thiện việc lập sổ danh điểm hàng hóa.....	74
3.2.3.3. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	77

3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.	80
3.3.1. Về phía nhà nước	80
3.3.2. Về phía doanh nghiệp.....	80
KẾT LUẬN	81

DANH MỤC BẢNG SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán hàng hóa theo phương pháp thẻ song song	9
Sơ đồ 1.2: Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.	10
Sơ đồ 1.3: Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư.....	12
Sơ đồ 1.4: Kế toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên	15
Sơ đồ 1.5: Kế toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ	17
Sơ đồ 1.6:.....	21
Sơ đồ 1.7:.....	24
Sơ đồ 1.8:.....	27
Sơ đồ 1.9:.....	30
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty CP ĐT & PT Hải Nam:.....	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	34
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	36
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam	60

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 :Hóa đơn GTGT	41
Biểu Số 2.2: Biên Bản Giao Nhận Hàng.....	42
Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho:.....	43
Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT	45
Biểu Số 2.5: Biên Bản Giao Nhận Hàng.....	46
Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho:.....	47
Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT	49
Biểu số 2.8: Phiếu Xuất Kho.....	50
Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT	52
Biểu số 2.10: Phiếu Xuất Kho.....	53
Biểu số 2.11:Thẻ Kho.....	54
Biểu số 2.12:Thẻ Kho.....	55
Biểu số 2.13: Sổ chi tiết hàng hóa.....	56
Biểu số 2.14: Sổ chi tiết hàng hóa.....	57
Biểu số 2.15: Bảng Tổng Hợp Nhập Xuất Tồn.....	58
Biểu số 2.16 : Nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.17 : Sổ Cái.....	62
Biểu số 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa.....	76
Biểu số 3.2: Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	79

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời đại hội nhập như hiện nay, phát triển kinh tế một cách bền vững là một trong những vấn đề quan trọng góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Khi bước vào sản xuất kinh doanh mục tiêu hàng đầu là sản xuất kinh doanh phải có lãi. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cần phải quan tâm quản lý tất cả các yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy các yếu tố đầu ra sao cho có hiệu quả nhất. Với mục đích cuối cùng là đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp. Từ các nhiệm vụ trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý mà việc cần thiết trong quản lý là phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp. Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán hàng hóa và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam”** cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Với những kiến thức đã có trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể Ban lãnh đạo của Công ty, cán bộ phòng kế toán. Đặc biệt có sự hướng dẫn tận tình của cô giáo – ThS. Văn Hồng Ngọc đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Qua quá trình nghiên cứu, mặc dù đã cố gắng hết mình, nhưng với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về Công ty còn hạn chế nên những vấn đề em tìm hiểu và trình bày trong bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo và các cán bộ kế toán của Công ty nhằm giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Đồng thời cũng giúp em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình và phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1. Khái niệm, đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.******1.1.1.1. Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.***

Hàng hoá trong doanh nghiệp thương mại là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán. Trị giá hàng mua vào, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hóa như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua hàng hóa.

Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại thường đa dạng và nhiều chủng loại khác nhau. Hàng hóa thường xuyên biến động trong quá trình kinh doanh nên cần phải theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

1.1.1.2. Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hàng hoá rất đa dạng và phong phú: Sản xuất không ngừng phát triển, nhu cầu tiêu dùng luôn biến đổi và có xu hướng ngày càng tăng dẫn đến hàng hoá ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều chủng loại.

Hàng hoá có đặc tính lý, hoá, sinh học: Mỗi loại hàng có các đặc tính lý, hoá, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hoá trong quá trình thu mua, vận chuyển, dự trữ, bảo quản và bán ra.

Hàng hoá luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật... Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, vào nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Nếu hàng hoá thay đổi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng thì hàng hoá được tiêu thụ và ngược lại.

Trong lưu thông, hàng hoá thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hoá mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

Hàng hoá có vị trí rất quan trọng trong các doanh nghiệp thương mại, quá trình vận động của hàng hoá cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp.

Mua hàng: Là giai đoạn đầu tiên trong quá trình lưu chuyển hàng hoá tại các doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Là quá trình vận động của vốn kinh doanh từ vốn tiền tệ sang vốn hàng hoá.

Bán hàng: Là giai đoạn cuối cùng kết thúc quá trình lưu thông hàng hoá, sự chuyển hoá vốn kinh doanh từ vốn hàng hoá sang vốn tiền tệ.

Bảo quản và dự trữ hàng hoá: Là khâu trung gian của lưu thông hàng hoá, hàng hoá vận chuyển từ lĩnh vực sản xuất sang lĩnh vực tiêu dùng. Để quá trình kinh doanh diễn ra bình thường, các doanh nghiệp phải có kế hoạch dự trữ hàng hoá một cách hợp lý.

1.1.2. Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán hàng hóa

Hàng hóa là đối tượng kinh doanh cũng là đối tượng lao động của doanh nghiệp thương mại, là đối tượng mà doanh nghiệp mua đi bán lại với mục đích kiếm lời.

Hàng hóa luôn luôn đa dạng về chủng loại, kích cỡ và giá cả và biến động không ngừng nên doanh nghiệp phải theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn về số lượng, chất lượng và chủng loại.

Do đó kế toán hàng hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp. Kế toán hàng hóa giúp cho doanh nghiệp giảm bớt 1 cách tối thiểu những rủi ro về mặt quản lý hàng hóa trong doanh nghiệp. Làm giảm thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh, từ đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

Trong nền kinh tế thị trường, tổ chức công tác hoàn thiện kế toán hàng hóa đối với doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Chính vì thế mà kế toán hàng hóa cần nắm chính xác số liệu, cũng như chi tiết từng loại hàng hóa và phải đánh giá chính xác tình hình lưu chuyển hàng hóa của doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hàng hóa trong doanh nghiệp ta cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau :

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, xuất- nhập- tồn của hàng hóa. Đòi hỏi phản ánh, dự trữ thành phẩm, kịp thời phát hiện trường hợp hàng hoá tồn kho, đọng lâu ngày để có biện pháp xử lý.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa về mặt số lượng và chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Đòi hỏi hàng hoá ngày càng hoàn thiện, đẹp về mẫu mã, tốt về nội dung nhất là trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Do vậy bộ phận kiểm tra chất lượng phải làm tốt nhiệm vụ, có chế độ bảo quản hợp lý đối với từng loại và phù hợp với đặc điểm của chúng.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán hàng hóa, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán, kế toán. Cần phải hạch toán hàng hoá hợp lý và thống nhất phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Có như vậy mới phản ánh được một cách trung thực giá thực tế của hàng hoá nhập kho, xuất kho. Xác định và đánh giá đúng đắn trị giá hàng hoá là cơ sở quan trọng để đánh giá và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Thời gian kiểm kê, đánh giá hàng hóa theo chế độ nhà nước quy định.

Bên cạnh đó, việc quản lý sự vận động của từng loại hàng hoá: như giá thành thực tế nhập kho, xuất kho cũng rất quan trọng đòi hỏi chính xác và chặt chẽ.

Tuy nhiên bất cứ doanh nghiệp nào cũng muốn bán được nhiều hàng hoá, thu được vốn và lợi nhuận đầy nhanh chu kỳ quay vòng vốn. Do đó, quá trình vận động của hàng hoá gắn liền với quá trình tiêu thụ hàng hoá, thu tiền về để tiếp tục cho hoạt động kinh doanh của chu kỳ tiếp theo.

1.1.3. Nguyên tắc đánh giá

1.1.3.1. Đánh giá hàng hóa nhập kho

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng hóa tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- **Đối với hàng hóa mua ngoài:**

Giá thực tế hàng hóa nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí khác liên quan	+	Các khoản thuế không đc hoàn lại	-	Giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại
-------------------------------	---	--------------------------	---	------------------------	---	----------------------------------	---	--

Giá mua ghi trên hóa đơn là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể là:

- ❖ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.
- ❖ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua là tổng thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ).

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua,...

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

– ***Đối với hàng hóa mà doanh nghiệp nhận góp vốn***

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá hàng hóa do hội} & & \\ \text{nhập kho} & = & \text{đồng định giá} & + & \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

– ***Đối với hàng hóa điều chuyển:***

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá hàng hóa do hội} & & \\ \text{nhập kho} & = & \text{đồng định giá} & + & \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

– ***Hàng hóa được biếu tặng:***

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế nhập} & & \text{Giá thực được xác định} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{kho} & = & \text{theo giá thị trường} & - & \text{chuyển bốc xếp} \end{array}$$

1.1.3.2. ***Đánh giá hàng hóa xuất kho***

Giá trị hàng hóa xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau:

❖ **Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này khi hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

Tuy nhiên việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị

lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước:**

Phương pháp này dựa trên giá định là hàng hóa được mua trước và hàng hóa còn lại cuối kỳ là được mua gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này, trị giá hàng hóa xuất bán trong kỳ được tính theo đơn giá bình quân như sau:

Giá thực tế xuất kho = số lượng hàng hóa xuất kho x đơn giá bình quân

Giá trị hàng hóa xuất kho + Giá trị hàng hóa nhập kho

Đơn giá bình quân =
$$\frac{\text{Giá trị hàng hóa xuất kho} + \text{Giá trị hàng hóa nhập kho}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho}}$$

❖ **Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ (giá bình quân cả kỳ dự trữ)**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng hóa căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính đơn giá bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo phương pháp sau:

Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ =
$$\frac{\text{Giá trị NVL, CCDC tồn DK} + \text{giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn DK} + \text{số lượng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

❖ **Bình quân liên hoàn(giá bình quân sau mỗi lần nhập)**

Sau mỗi lần nhập hàng hóa kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân được tính theo công thức

Đơn giá xuất $\frac{\text{Trị giá vật tư tồn DK} + \text{trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng vật tư tồn DK} + \text{số lượng vật tư nhập trước lần xuất thứ } i}$

Ưu điểm: phương pháp này khắc phục được nhược của các phương pháp trên, vừa chính xác vừa cập nhập được thường xuyên liên tục.

Nhược điểm: tốn khá nhiều công sức và phải tính toán nhiều lần.

❖ Theo phương pháp nhập sau xuất trước:

Hàng hóa nào mua vào sau cùng sẽ được xuất trước. Phương pháp này ngược với phương pháp FIFO, chỉ thích hợp với giai đoạn lạm phát.

Thường các doanh nghiệp kinh doanh về xây dựng.....

Ưu điểm: Với phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

Nhược điểm: Trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

1.2. Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại

1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong DN

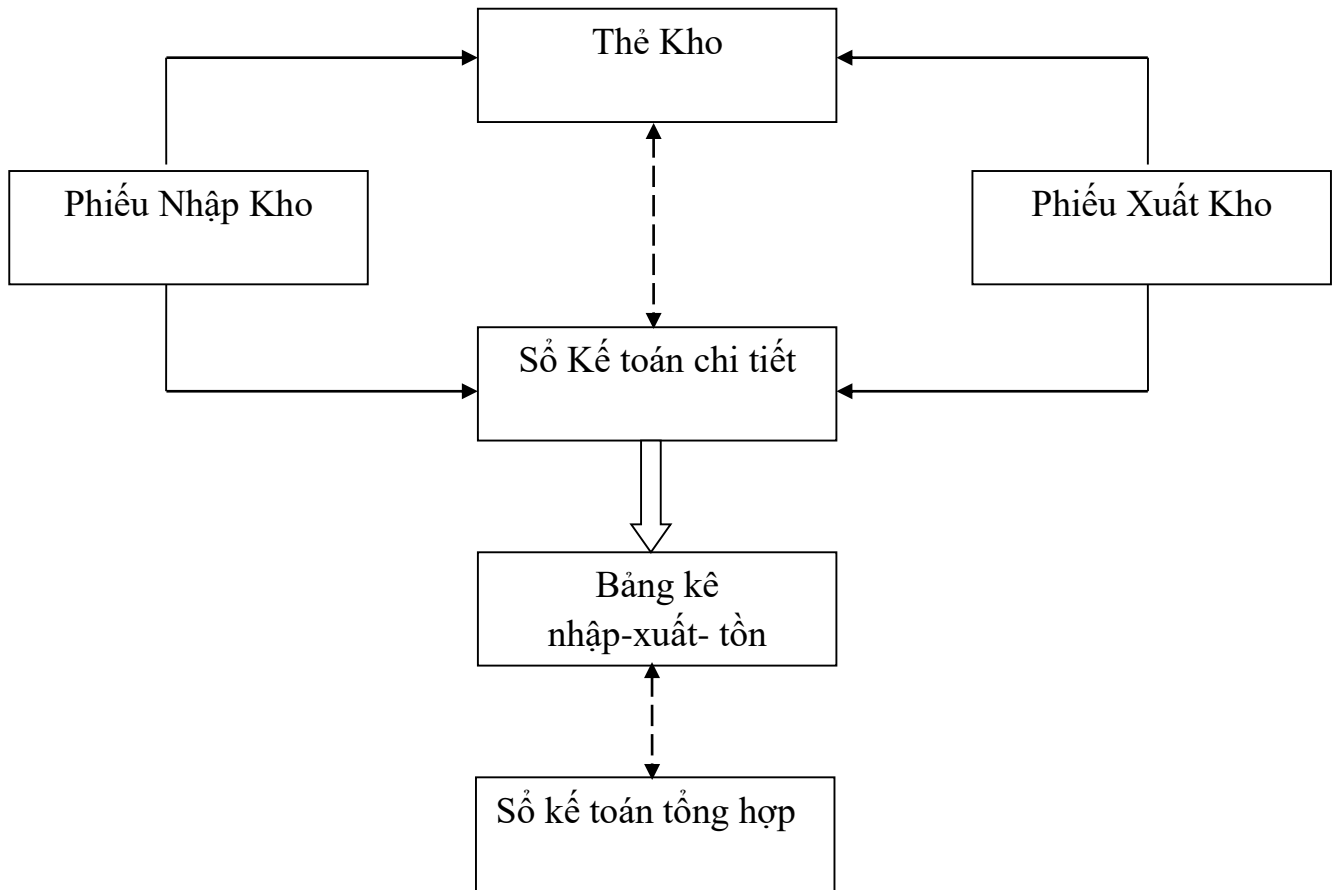
1.2.1.1. Kế toán hàng hóa theo phương pháp thẻ song song

Ở kho : Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập-xuất – tồn kho của từng danh điểm hàng hóa, ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho do kế toán lập rồi ghi vào sổ đăng ký thẻ kho trước khi giao cho thủ kho ghi chép. Thẻ kho được bảo quản trong hòm thẻ hay tủ nhiều ngăn, trong đó các thẻ kho được sắp xếp theo loại, nhóm, thứ (mặt hàng) của hàng hóa đảm bảo dễ tìm kiếm khi sử dụng.

Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập, xuất vật tư, hàng hóa thực tế phát sinh, thủ kho thực hiện việc thu phát vật tư, hàng hóa và ghi số lượng thực tế nhập, xuất vào chứng từ nhập, xuất. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vật tư, hàng hóa vào thẻ kho của thứ vật tư, hàng hóa có liên quan. Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng trên thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng hàng tồn kho để ghi vào cột “ tồn” của thẻ kho. Cuối kỳ thủ kho căn cứ số liệu trên thẻ kho để đối chiếu với sổ chi tiết hàng hóa.

Ở phòng kế toán : Hàng ngày hay định kỳ 3-5 ngày, nhân viên kế toán xuống kho kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký xác nhận vào thẻ kho và nhận chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán. Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán hàng tồn kho thực hiện việc kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ rồi căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào thẻ (sổ) chi tiết vật tư, hàng hoá, mỗi chứng từ được ghi vào một dòng. Thẻ (sổ) chi tiết được mở cho từng danh điểm vật tư, hàng hoá tương tự thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu thành tiền. Số liệu trên thẻ (sổ) chi tiết được sử dụng để lập báo cáo nhanh về vật tư, hàng hoá theo yêu cầu quản trị vật tư, hàng hoá.

Cuối tháng hay tại các thời điểm nào đó trong tháng có thể đối chiếu số liệu trên thẻ (sổ) chi tiết với số liệu trên thẻ kho tương ứng, nhằm đảm bảo tính chính xác của số liệu trước khi lập báo cáo nhanh (tuần kỳ) vật tư, hàng hoá. Cũng vào cuối tháng, kế toán cộng số liệu trên các thẻ (sổ) chi tiết, sau đó căn cứ vào số liệu dòng cộng ở thẻ (sổ) chi tiết để ghi vào bảng kê nhập, xuất, tồn kho theo thứ, nhóm, loại vật tư, hàng hoá. Bảng kê này có thể được sử dụng như một báo cáo vật tư, hàng hoá cuối tháng.



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.1: Kế toán hàng hóa theo phương pháp thẻ song song

Ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng của phương pháp ghi thẻ song song.

+ **Ưu điểm:** Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

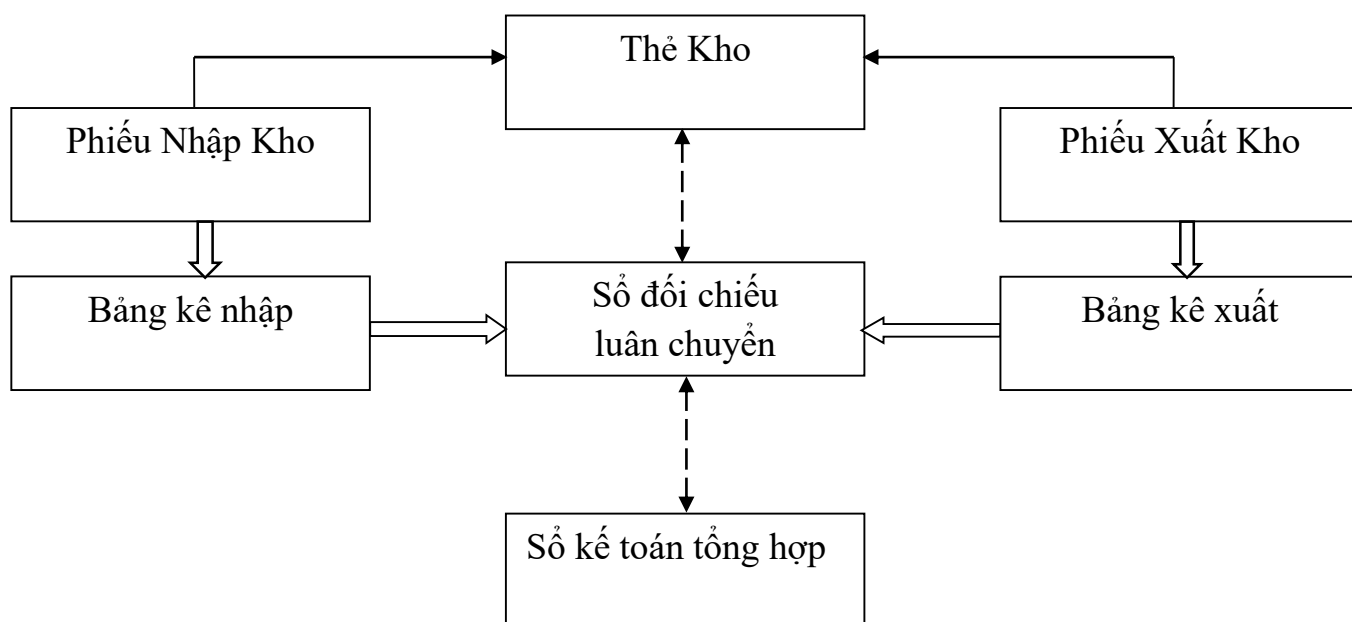
+ **Nhược điểm:** Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá), ghi chép trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa kế toán và thủ kho.

+ **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hoá, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên, trình độ của nhân viên kế toán chưa cao.

1.2.1.2. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

+ **Ở kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

+ **Ở phòng kế toán :** Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho từ thủ kho, kế toán thực hiện kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó, thực hiện tập hợp các chứng từ nhập, xuất theo từng thứ vật tư, hàng hoá (có thể lập bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư, hàng hoá để thuận lợi cho việc theo dõi và ghi sổ đối chiếu luân chuyển cuối tháng). Sổ đối chiếu luân chuyển được kế toán mở cho cả năm và được ghi vào cuối mỗi tháng. Sổ được dùng để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, hàng hoá thuộc từng kho. Sổ theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu thành tiền trong cả tháng của hàng nhập, xuất, tồn kho. Mỗi thứ vật tư, hàng hoá được ghi một dòng trên sổ. Sau khi hoàn thành việc ghi sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với số liệu trên thẻ kho và số liệu trên sổ kế toán tài chính liên quan.



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.2: Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Ưu nhược điểm của phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:

Ưu điểm: Với phương pháp này khối lượng ghi chép có giảm bớt so với phương pháp ghi thẻ song song.

Nhược điểm: Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

Nếu không lập bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư, hàng hoá thì việc sắp xếp chứng từ nhập, xuất trong cả tháng để ghi sổ đối chiếu luân chuyển dễ phát sinh nhầm lẫn sai sót. Nếu lập bảng kê nhập, bảng kê xuất thì khối lượng ghi chép vẫn lớn.

Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.

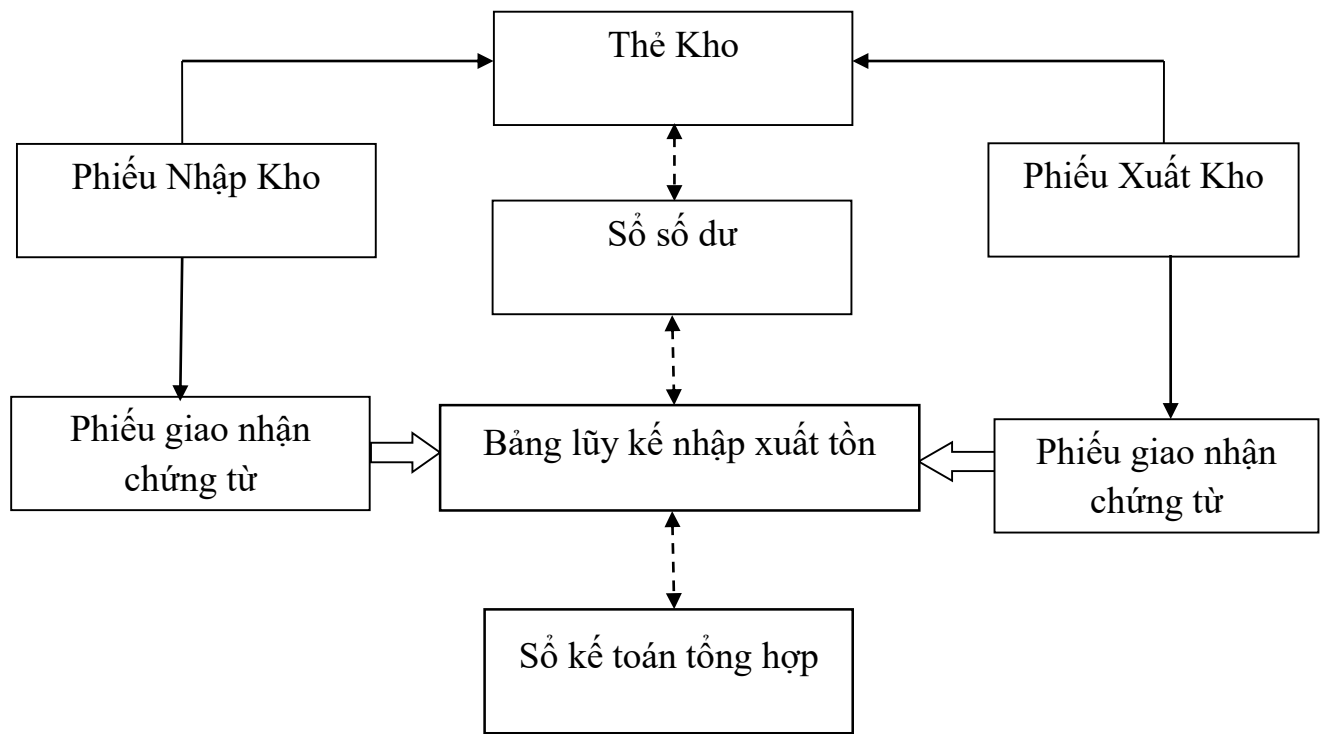
Theo phương pháp này, để lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho.

Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này.

1.2.1.3. Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư

Ở kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu: số lượng và giá trị ở từng kho dùng cho cả năm, mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán lập bảng kê nhập, xuất cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ←---> Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.3: Kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư

1.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong DN

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.

a. Chứng từ sử dụng

Chứng từ là bằng chứng để chứng minh sự phát sinh một nghiệp vụ kinh tế và thực sự hoàn thành. Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý cho mọi số liệu trên mọi tài khoản, sổ kế toán, báo cáo kế toán. Công tác hạch toán ban đầu là luân chuyển chứng từ và xử lý chứng từ là nội dung quan trọng của công tác kế toán. Mọi thứ biến động của hàng hoá phải được phản ánh, ghi chép vào chứng từ ban đầu phù hợp theo đúng nội dung quy định. Những chứng từ này là cơ sở pháp lý để hạch toán nhập, xuất kho hàng hoá, là cơ sở để kiểm tra tính chính xác của sổ sách kế toán, đảm bảo ghi chép những nội dung cần thiết và tính hợp pháp của chứng từ. Do chức năng quan trọng của chứng từ nên để kiểm tra, quản lý tình hình tài chính của doanh nghiệp, Bộ tài chính quyết định các chứng từ được sử dụng trong kế toán xuất, nhập hàng hoá là: (Nguồn QĐ 48/2006/QĐ – BTC).

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu số 03 – VT)
- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức (Mẫu số 04- VT)
- Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu số 05- VT);
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 07- VT);

....

Các chứng từ này phải được luân chuyển đúng thời hạn, chính xác và đầy đủ. Căn cứ vào đó, kế toán kiểm tra tính hợp pháp và tiến hành phân loại tổng hợp ghi sổ kế toán thích hợp.

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, các doanh nghiệp tùy vào điều kiện hoạt động kinh doanh của đơn vị mà có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn để thuận tiện cho việc theo dõi và hạch toán như:

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian do kế toán trưởng của đơn vị quy định, nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

Các sổ kế toán chi tiết hàng hóa:

Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết sau:

- Thẻ kho
- Sổ (thẻ) kế toán hàng hóa
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên, chúng ta còn có thể sử dụng các bảng kê nhập, xuất, tồn; các bảng lũy kế tổng hợp nhập – xuất – tồn kho hàng hóa phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng và kịp thời.

b. Tài khoản sử dụng

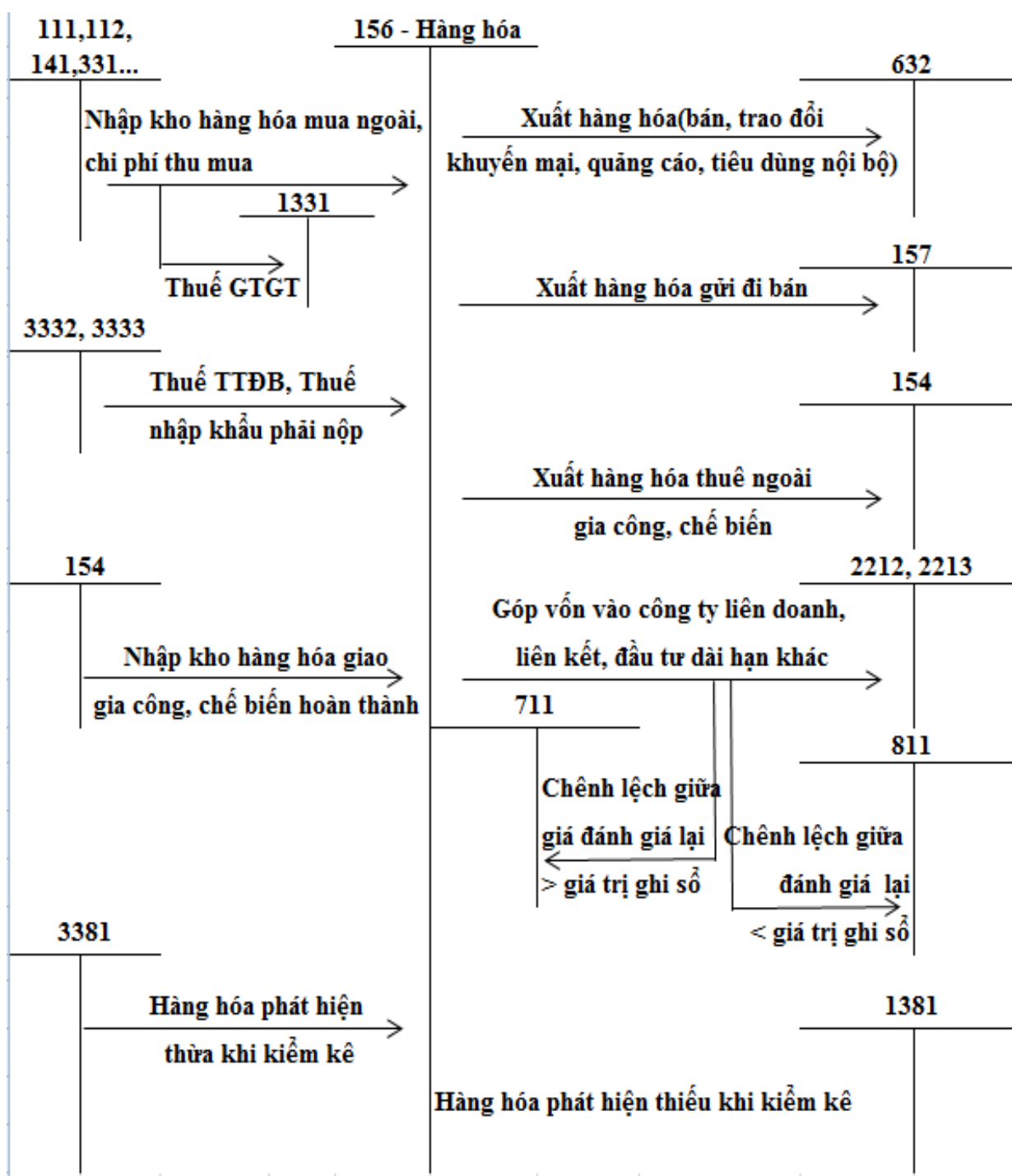
TK 156 - Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hoá của doanh nghiệp bao gồm hàng hoá tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hoá bất động sản.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 156 – Hàng hóa.

Nợ	TK 156	Có
<p>SDDK: Trị giá mua vào, chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho đầu kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại); - Chi phí thu mua hàng hóa; - Trị giá hàng hóa thuê ngoài gia công (gồm giá mua vào và chi phí gia công) - Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại; - Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê; - Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ) - Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư. 		<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc, thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh; - Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ; - Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng; <p>Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê; - Kết chuyển trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ); - Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.
Σ Số phát sinh ↑		Σ Số phát sinh ↓
<p>SDCK: Trị giá mua vào, chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho cuối kỳ</p>		

c. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng hoá theo phương pháp kê khai thường xuyên có thể được ghi khái quát theo sơ đồ sau. Đây là phương pháp được áp dụng ở hầu hết các doanh nghiệp hiện nay, mỗi nghiệp vụ nhập- xuất- tồn kho hàng hoá được thực hiện trên các TK một cách thường xuyên theo các chứng từ nhập, xuất.



Sơ đồ 1.4: Kế toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.2.2. *Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ***a. Đặc điểm của phương pháp**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động hàng hóa trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng hóa tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế và xuất dùng cho việc kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng hóa cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị xuất bán trong kỳ.

Theo phương pháp này, mọi biến động của hàng hóa không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản tồn kho, giá trị hàng hóa nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản riêng (TK 611 – Mua hàng). Do đó, độ chính xác không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép. Phương pháp này chỉ thích hợp với các đơn vị kinh doanh những chủng loại hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất bán.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá của} & & \text{Trị giá của} & & \text{Trị giá của} & & \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hóa} & = & \text{hàng hóa tồn} & + & \text{hàng hóa} & - & \text{hàng hóa tồn} \\ \text{xuất trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy theo phương pháp này mọi biến động của vật tư, hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng hóa. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên Một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611 “Mua hàng”).

b. Tài khoản sử dụng:

TK 611 “Mua hàng”

Tài khoản 611 “Mua hàng” chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

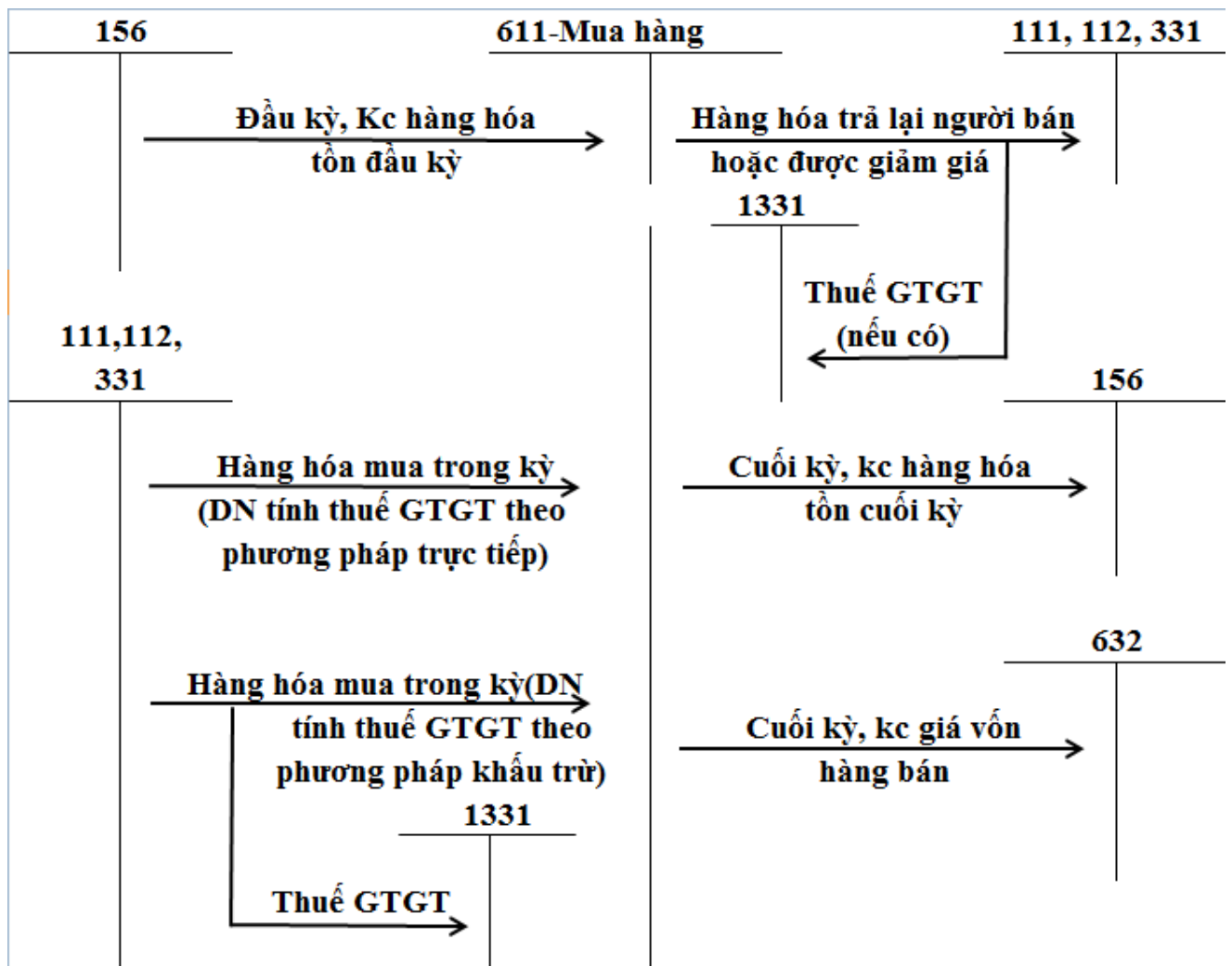
Giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào phản ánh trên Tài khoản 611 “Mua hàng” phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ: Khi mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá, căn cứ vào hoá đơn

mua hàng, Hoá đơn vận chuyển, phiếu nhập kho, thông báo thuế nhập khẩu phải nộp (Hoặc biên lai thu thuế nhập khẩu,..) để ghi nhận giá gốc hàng mua vào tài khoản 611 “Mua hàng”. Khi xuất sử dụng, hoặc xuất bán chỉ ghi một lần vào cuối kỳ kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê.

Kế toán phải mở sổ chi tiết để hạch toán trị giá gốc hàng tồn kho mua vào theo từng thứ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá.

Sơ đồ 1.5: Kế toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 như sau:

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện cho từng mặt hàng tồn kho.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà sự kiện này được xác nhận với các điều kiện ở thời điểm ước tính. Ngoài ra, khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK159 – Các khoản dự phòng

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK159 – Các khoản dự phòng như sau:

- Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số đã nhập năm trước.

Giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, được bù đắp bằng số dự phòng đã trích lập.

Giá trị dự phòng các khoản phải thu khó đòi được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số còn lại của năm trước.

- Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Số dư bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 159 – Các khoản dự phòng, có 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 1591 – Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Tài khoản 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Tài khoản 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

* Đối với dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

Nếu khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn đã lập ở cuối kỳ kế toán trước thì số chênh lệch nhỏ hơn phải được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 1591 – Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Có TK 635 – Chi phí tài chính

Nếu khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn đã lập ở cuối kỳ kế toán trước thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 1591 – Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

* Đối với dự phòng phải thu khó đòi:

Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

* Đối với dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.4.1. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Nhật ký chung

a. Đặc điểm

Là hình thức kế toán đơn giản, được sử dụng rộng rãi ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, đã sử dụng máy vi tính vào công tác kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Như vậy, hình thức này cũng có đặc điểm giống hình thức chứng từ ghi sổ nhưng khác là không cần lập chứng từ ghi sổ mà chỉ căn cứ chứng từ kế toán để lập định khoản trực tiếp vào sổ Nhật ký chung hoặc nhật ký đặc biệt. Sau đó, căn cứ định khoản trong các sổ nhật ký này để ghi sổ cái.

b. Hệ thống sổ

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Ưu điểm : Thuận tiện cho việc đối chiếu kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc, tiện cho việc sử dụng kế toán máy.

Nhược điểm : Một số nghiệp vụ bị trùng do vậy, cuối tháng phải loại bỏ số liệu trùng mới được ghi vào sổ cái

c. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

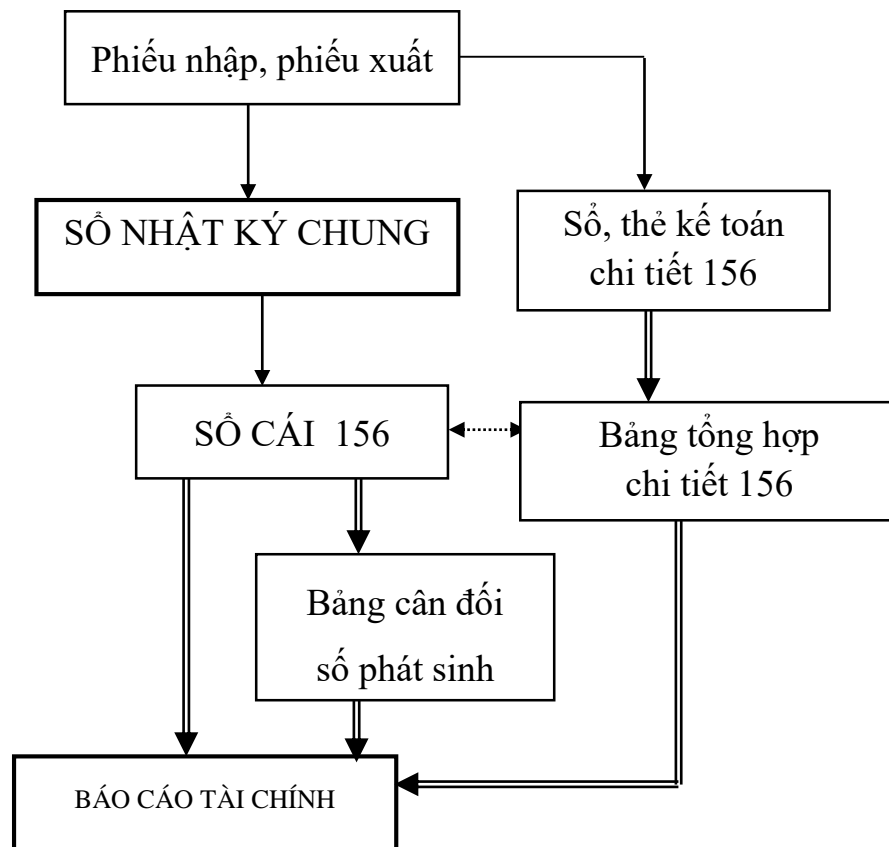
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

1.4.2. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Nhật ký sổ cái

a. Đặc điểm

Đây là hình thức kế toán đơn giản bởi đặc trưng về số lượng, kết cấu các loại sổ cũng như về trình tự hạch toán.

Trong hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

b. Hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Sổ kế toán tổng hợp : Nhật ký - Sổ Cái;
- Sổ kế toán chi tiết : Thẻ kế toán chi tiết, sổ chi tiết vật tư, sổ chi tiết phải thu của khách hàng, phải trả người bán

c. Ưu nhược điểm

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, phù hợp với đơn vị có quy mô nhỏ có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nội dung đơn giản, sử dụng ít tài khoản, số người làm kế toán ít.

- Nhược điểm: Không áp dụng tại các đơn vị có quy mô lớn và vừa, có nhiều nghiệp vụ phát sinh, nội dung phức tạp, sử dụng nhiều tài khoản..., kết cấu sổ không thuận tiện cho nhiều người ghi sổ cùng lúc nên việc báo cáo thường chậm trễ.

d. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký Sổ Cái.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{rcc} \text{Tổng số tiền của cột} & \text{Tổng số phát sinh} & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} & = \text{Nợ của tất cả các} & = \text{Có của tất cả các} \\ \text{Nhật ký} & \text{Tài khoản} & \text{Tài khoản} \end{array}$$

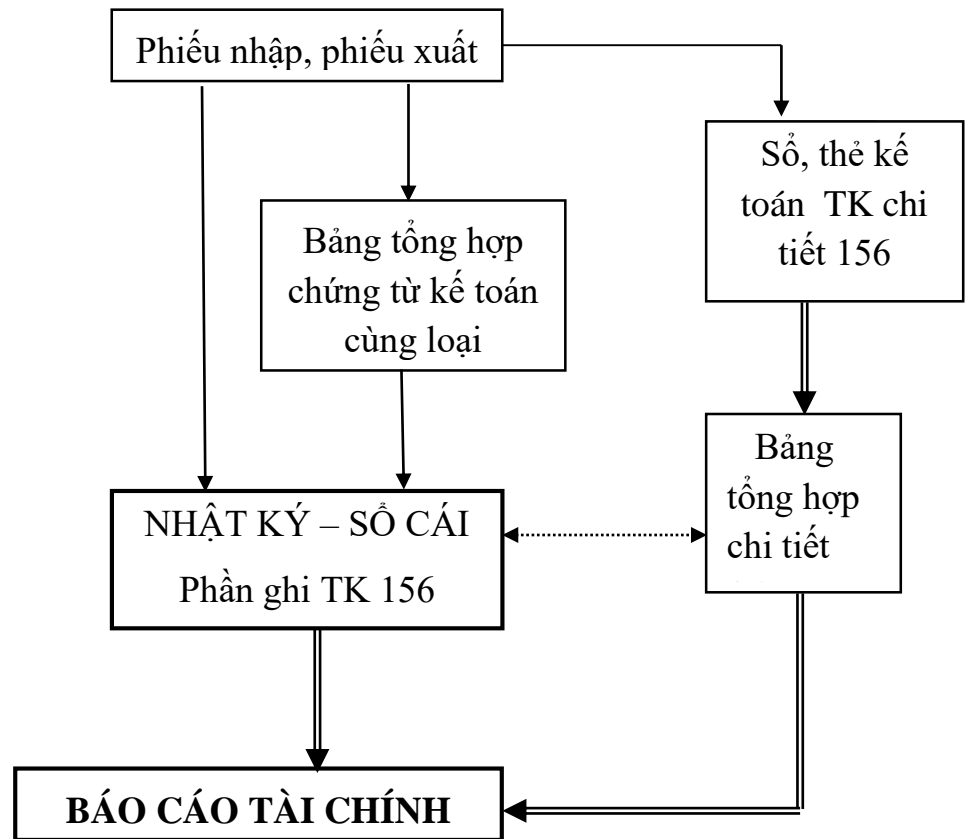
$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI TRONG KẾ TOÁN
HÀNG HÓA TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**Ghi chú:**Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối tháng \Longrightarrow Đổi chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ

a. Đặc điểm

Là hình thức kế toán thường được sử dụng ở các doanh nghiệp có quy mô vừa, sử dụng nhiều tài khoản kế toán.

Hình thức này tách rời việc ghi sổ theo trình tự thời gian với việc ghi chép theo nội dung kinh tế các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh để ghi vào hai sổ kế toán tổng hợp riêng biệt là Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế và được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Việc ghi sổ kế toán chi tiết được căn cứ vào các chứng từ kế toán đính kèm theo chứng từ ghi sổ. Như vậy, việc ghi chép kế toán tổng hợp và ghi chép kế toán chi tiết là tách rời nhau.

Mỗi tài khoản kế toán cấp 1 được ghi ở một tờ sổ riêng nên cuối tháng phải lập Bảng đối chiếu số phát sinh (Bảng cân đối tài khoản) để kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái.

b. Hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Sổ kế toán tổng hợp :
- + Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Cái;.....
- Sổ kế toán chi tiết:
- + Sổ kế toán chi tiết vật tư, Thẻ kế toán chi tiết.
- + Sổ chi tiết phải thu của khách hàng, phải trả người bán ...

c. Ưu nhược điểm:

Ưu điểm: Dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu, công việc kế toán được phân đều trong tháng, dễ phân chia công việc. Phù hợp với nhiều loại hình, quy mô đơn vị.

Nhược điểm: Ghi chép bị trùng lặp, tăng khối lượng công việc, giảm năng suất và hiệu quả công tác kế toán.

d. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

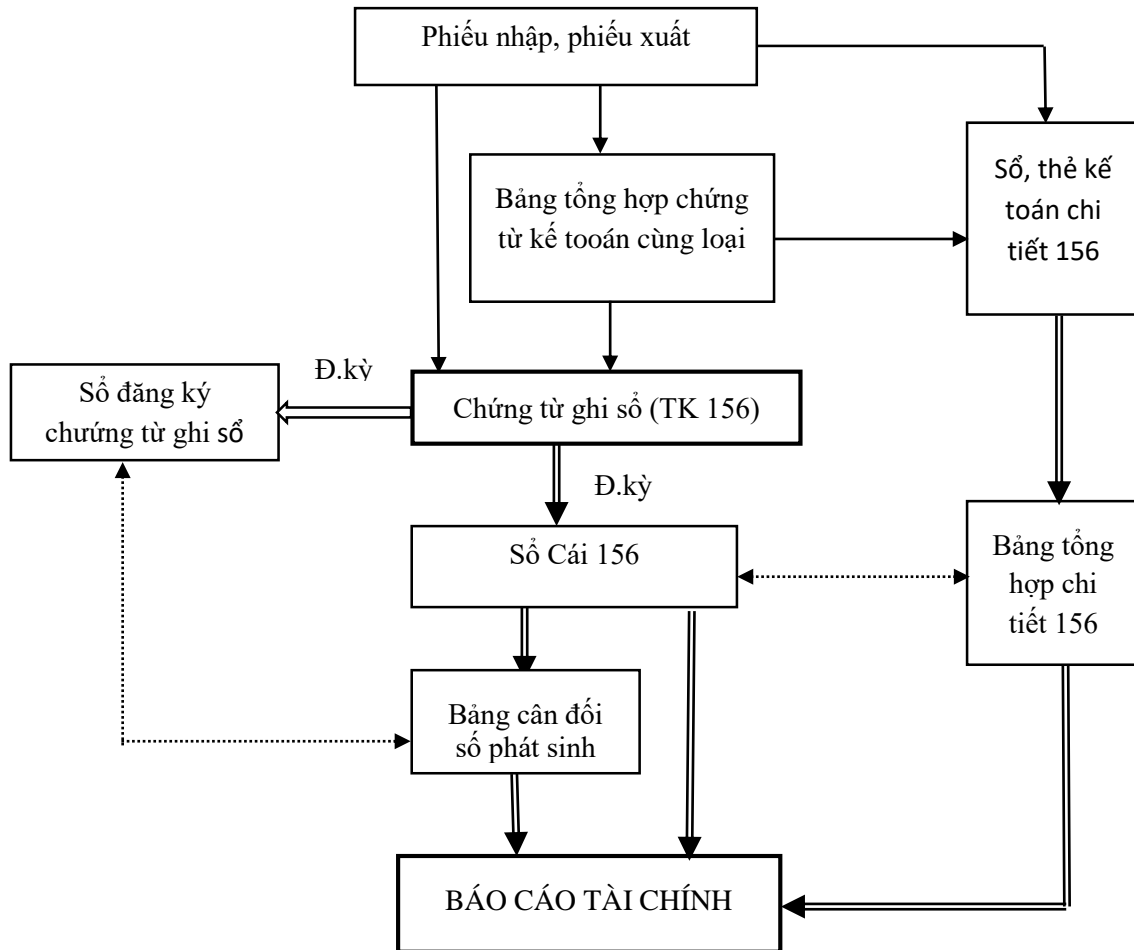
(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG
TỪ GHI SỔ TRONG KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI
DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**Ghi chú:**Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi định kỳ \Longrightarrow Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Như vậy, mỗi hình thức kế toán có nội dung, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng thích hợp. Trong mỗi hình thức kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Trình tự ghi sổ theo từng hình thức có thể khái quát lại như sau :

- (1) Kiểm tra đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ
- (2) Ghi sổ kế toán chi tiết
- (3) Ghi sổ kế toán tổng hợp
- (4) Kiểm tra đối chiếu số liệu
- (5) Tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

Do vậy, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn hình thức kế toán nêu ra để ghi sổ kế toán. Từ hình thức kế toán đã lựa chọn doanh nghiệp phải căn cứ vào hệ thống sổ kế toán do Bộ tài chính quy định để chọn một hệ thống sổ kế toán chính thức và duy nhất áp dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán cũng như các giao dịch kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp theo hệ thống các tài khoản kế toán mà doanh nghiệp đã lựa chọn và theo phương pháp kế toán quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Hệ thống sổ kế toán phải đảm bảo phản ánh và cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế - tài chính để lập báo cáo tài chính và đáp ứng các nhu cầu khác về quản lý, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống sổ kế toán bao gồm sổ tổng hợp và sổ chi tiết.

Sổ tổng hợp dùng để phân loại, tổng hợp thông tin kinh tế tài chính theo nội dung kinh tế. Sổ kế toán chi tiết dùng để theo dõi chi tiết các thông tin tùy theo yêu cầu của quản lý kinh doanh và cung cấp thông tin kinh tế tài chính để lập các báo cáo kế toán.

Doanh nghiệp được cụ thể hoá hệ thống sổ kế toán đã chọn để phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.4.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán hàng hóa trong DN áp dụng hình thức Kế toán máy

a. Đặc điểm

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

b. Hệ thống sổ kế toán

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

c. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

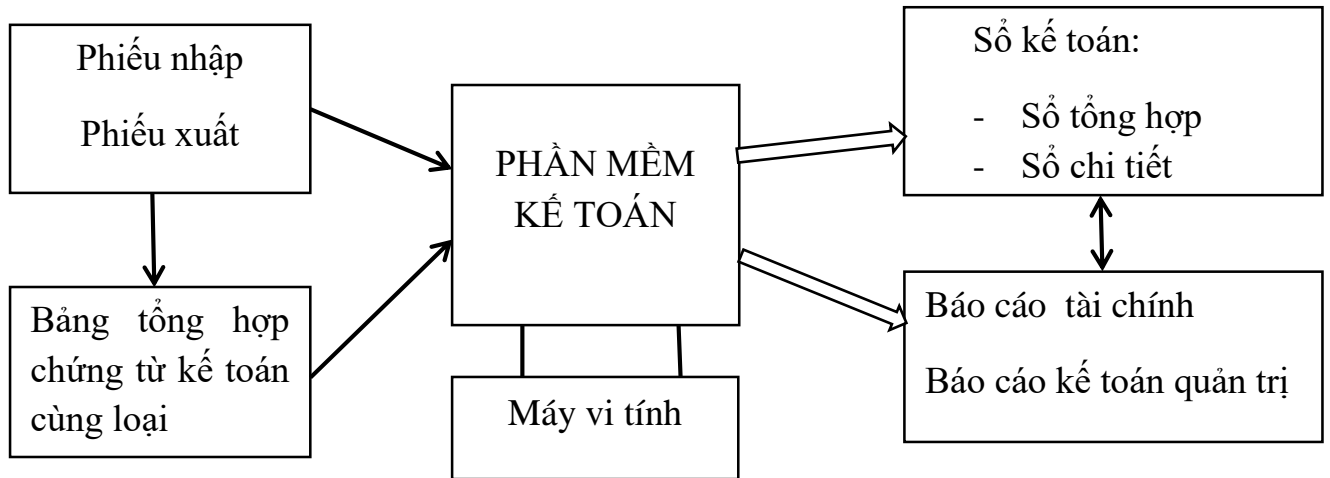
(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.9:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC TOÁN MÁY
TRONG KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI
CÔNG TY CP ĐT & PT HẢI NAM****2.1. Khái quát về công ty CP ĐT & PT Hải Nam****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Tên tiếng việt: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam

Tên viết tắt: HAI NAM SHIP JSC

Địa chỉ: Số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Thành phố Hải Phòng.

- ❖ Điện thoại: 0225.3649.586
- ❖ Fax: 0225.3573.283
- ❖ Mã số thuế: 0200658685
- ❖ E-mail: hainamshipco2@gmail.com

Vốn điều lệ: 500.000.000 đồng

Ngành, nghề kinh doanh: Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị an toàn điện....

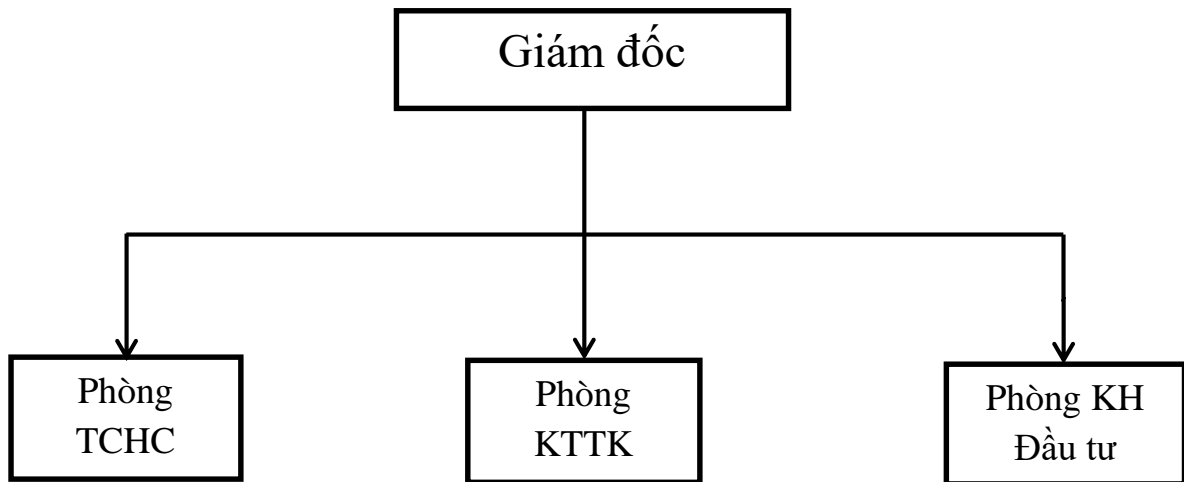
Công ty được thành lập năm 2006 với tên gọi là công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

Ngày 16/01/2006 Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy phép kinh doanh cho phép công ty chính thức đi vào hoạt động với loại hình là công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở chính nằm ở số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- TP Hải Phòng.

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ của công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh. Công ty không ngừng mở rộng tất cả các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty CP ĐT & PT Hải Nam:

– Nhiệm vụ của các phòng ban :

❖ Ban Giám Đốc:

Ban giám đốc bao gồm 1 giám đốc và 2 phó giám đốc. Giám đốc công ty là người đứng đầu, lãnh đạo toàn công ty và có trách nhiệm lớn nhất đối với các hoạt động kinh doanh do đó có trách nhiệm tổ chức điều hành hệ thống. Chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên và các cơ quan Pháp luật về hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý, tổ chức điều hành chung tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phó giám đốc kinh doanh, kỹ thuật có trách nhiệm giúp đỡ và chia sẻ nhiệm vụ với giám đốc

❖ Phòng tổ chức hành chính:

Chức năng: là phòng tham mưu cho lãnh đạo Công ty và tổ chức triển khai thực hiện các công tác về tổ chức sản xuất, nhân sự, hành chính và thực hiện chính sách đối với người lao động.

Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác quản lý lao động.
- Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương, nâng bậc hàng năm cho người lao động.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao trình độ nghiệp vụ tay nghề cho người lao động.

❖ Phòng kế toán thống kê:

Chức năng: là phòng tham mưu giúp lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý tài chính, tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác thống kê kế toán, thông tin kinh tế và hạch toán sản xuất trong Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển các nguồn vốn được giao.

Nhiệm vụ:

- Lập và đơn đốc thực hiện kế hoạch tài chính trong từng kỳ kế hoạch, cuối kỳ có quyết toán.
- Tổ chức và hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến các quy định về tài chính. Ghi chép các chứng từ, sổ sách theo quy định hiện hành. Luôn phản ánh đầy đủ, kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Phòng kế hoạch đầu tư:

Chức năng: là phòng tham mưu tổng hợp giúp lãnh đạo Công ty trong công tác lập kế hoạch, đơn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Đề xuất các phương án sản xuất kinh doanh và theo dõi các trang thiết bị, hệ thống điện và phương tiện có trong toàn Công ty.

Nhiệm vụ:

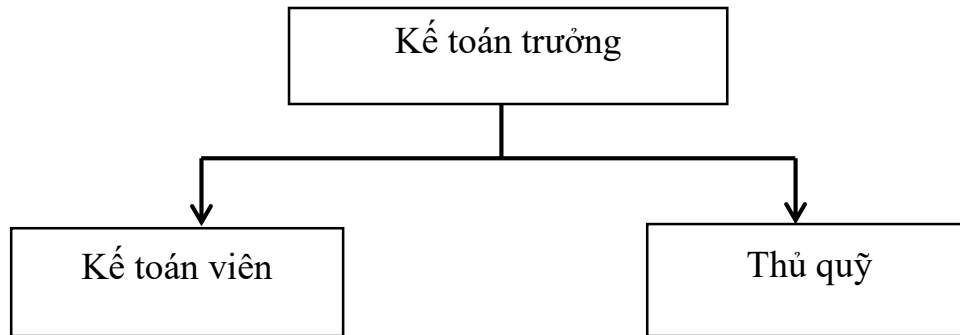
- Lập kế hoạch và kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng kỳ kế hoạch. Giữa kỳ và cuối kỳ có báo cáo hồ sơ, tổng kết đánh giá mức độ hoàn thành của kế hoạch và đề xuất các biện pháp thực hiện...
- Chủ động phối hợp giữa các phòng ban, các đơn vị sản xuất kinh doanh để xây dựng hoàn thiện các chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho các mô hình sản xuất kinh doanh Công ty hiện có.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế với tổ chức cá nhân có nhu cầu. Kiểm tra giám sát và quyết toán các hợp đồng đã ký phù hợp với pháp lệnh kinh tế Nhà nước ban hành.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty**2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng

cũng như sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp**

Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

Có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên.

Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp.

- **Kế toán viên:**

Tiến hành ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến các khoản lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn trích theo lương. Lập các bảng kê hàng hóa dịch vụ chịu thuế khi mua hàng vào hay bán ra để làm căn cứ tính thuế phải nộp Nhà nước. Theo dõi doanh thu công nợ phải thu.

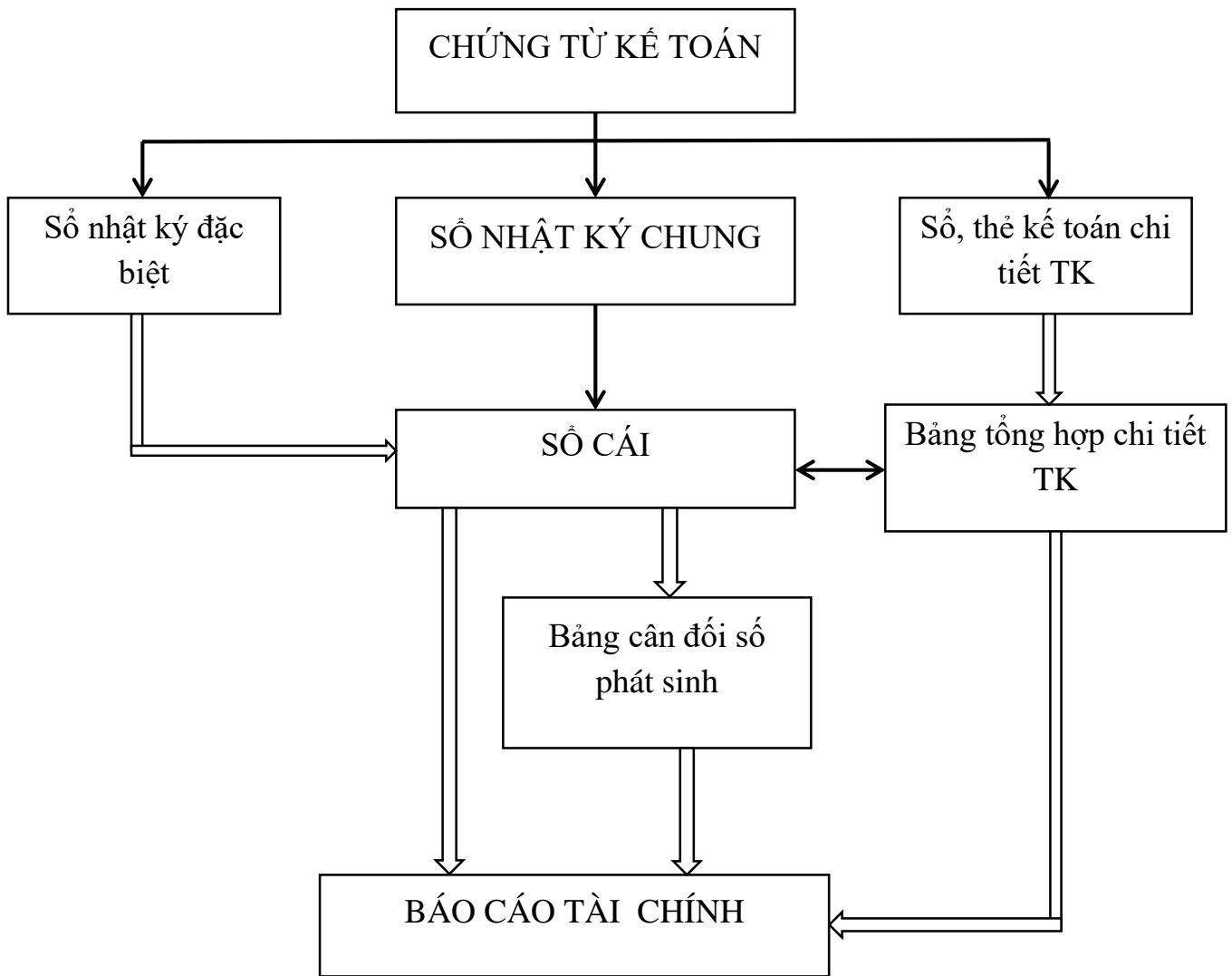
- **Thủ quỹ:**

Có nhiệm vụ nhập, xuất tiền mặt theo các chứng từ đã được giám đốc và kế toán trưởng duyệt. Thủ quỹ thường xuyên kiểm tra, ghi chép chi tiết trên sổ quỹ để làm căn cứ để đối chiếu giữa số liệu thực tế và số liệu hoạch toán của bộ phận kế toán tài sản bằng tiền.

2.1.3.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung.
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ–BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân liên hoàn.
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇨
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty CP ĐT & PT Hải Nam.

2.2.1. Đặc điểm và nguyên tắc đánh giá hàng hóa tại công ty CP ĐT & PT Hải Nam.

Hàng hóa kinh doanh tại Công ty CP ĐT & PT Hải Nam là mũ bảo hộ và các loại quần áo, phụ kiện bảo hộ trong sản xuất. Số lượng hàng hoá mỗi lần nhập thường lớn và nhiều chủng loại khác nhau. Thị trường tiêu thụ hàng hoá không những ở Hải Phòng mà còn phân bố rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc: Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Hải Dương,...

* Phương pháp xác định giá nhập kho hàng hoá

Tính giá hàng mua là việc xác định giá trị ghi sổ của hàng hoá mua vào. Theo quy định hàng hoá mua vào được phản ánh trên giá thực tế hay còn gọi là giá gốc và các chi phí liên quan đến quá trình mua hàng như chi phí vận tải, bốc xếp,...

Nhằm đảm bảo theo nguyên tắc giá chung tính theo giá thanh toán và căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng, giá mua được xác định như sau:

Giá thực tế của hàng hoá nhập kho = Giá mua ghi trên hoá đơn + Chi phí thu mua – Các khoản giảm giá

Ví dụ : Ngày 10/12/2016 mua găng tay cao su 3.230 đôi , đơn giá chưa bao gồm thuế 10.395 đồng/đôi, kính bảo hộ 2.030 cái đơn giá 9.720 đồng/cái, thuế suất 10%, chưa thanh toán cho Công ty Minh Ngọc(HĐ GTGT số 57049). Chi phí vận chuyển bốc dỡ thuê ngoài là 536.800đ bao gồm cả thuế GTGT 10% đã trả bằng tiền mặt.

Như vậy giá trị thực tế của số hàng là:

$$53.307.450 + 488.000 = 53.795.450$$

1a. Nợ TK 156 : 53.307.450

156 – Găng tay cao su: 33.575.850

156 – Kính bảo hộ: 19.731.600

Nợ TK 133 (1331): 5.330.745

Có TK 331-MN: 58.638.195

1b. Nợ TK 156 : 488.000

Nợ TK 133 (1331): 48.800

Có TK 111: 536.800

*** Phương pháp tính giá hàng hoá xuất bán**

Công ty sử dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá hàng hoá xuất bán. Theo phương pháp này, kế toán hàng hoá sẽ tính đơn giá bình quân cho từng mặt hàng sau mỗi lần nhập hàng hóa kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân được tính theo công thức

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn DK} + \text{trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng vật tư tồn DK} + \text{số lượng vật tư nhập trước lần xuất thứ } i}$$

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty.**2.2.2.1. Thủ tục nhập- xuất hàng hóa:****Nhập kho hàng hóa:**

+ Trước hết, căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng hóa. Khi đã tham khảo bảng giá hợp lý phòng kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký xét duyệt. Sau khi thông qua quyết định mua hàng, giám đốc sẽ trực tiếp ký hợp đồng mua bán.

+ Khi mua hàng hóa nếu bên bán có hóa đơn sẽ viết hóa đơn và giao liên 2 cho người cung ứng hàng hóa của công ty. Khi hàng hóa về đến công ty, Ban kiểm nghiệm sẽ tiến hành kiểm tra về chất lượng, số lượng chủng loại hàng hóa mua về.

+ Căn cứ vào hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa thủ kho lập phiếu nhập kho và sử dụng để ghi vào thẻ kho, phiếu nhập kho làm thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuốn.

Liên 2: Thủ kho sử dụng và để vào thẻ kho.

Liên 3: Giao cho phòng kế toán để nhập số liệu vào sổ sách.

Trên phòng kế toán, sau khi nhận được HĐ GTGT và phiếu nhập kho do thủ kho chuyển lên thì kế toán nhập số liệu từ HĐ GTGT để lập phiếu nhập kho.

Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kinh doanh cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho số hàng hóa đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

Giá thực tế hàng hóa nhập kho được tính như sau:

$$\text{Giá thực tế của hàng hóa nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn của người bán} + \text{Chi phí thu mua thực tế} - \text{Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có VAT.
- Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm: vận chuyển, xếp dỡ, hao hụt tự nhiên.
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng là những khoản được giảm từ khi mua hàng phát sinh sau khi đã phát hành hóa đơn.

Xuất kho hàng hóa:

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, kế toán tiến hành gửi phiếu báo giá cho khách hàng. Khi cả hai bên đồng ý mức giá theo thỏa thuận thì tiến hành xuất hàng đi bán.

Tại công ty cổ phần ĐT &PT Hải Nam, phiếu xuất kho được viết tay và được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống.

Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.

Liên 3: Giao cho phòng kế toán để nhập vào sổ sách.

Trên phiếu xuất kho viết tay chỉ ghi số lượng xuất còn đơn giá và thành tiền sẽ được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn khi kế toán ghi số liệu vào sổ.

Sau khi ghi số liệu vào hóa đơn bán hàng, kế toán sẽ tính kết chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung, báo cáo bán hàng, các sổ cái TK 511, 3331, 111, 112, 131 và các sổ chi tiết tương ứng...

Cuối ngày, dựa vào bảng kê các khoản tiền nộp do nhân viên bán hàng nộp lên, phòng kế toán trung tâm tiến hành đối chiếu với số liệu ghi trên sổ và kiểm tra, xác nhận doanh thu cho cả hệ thống.

Cách tính giá hàng xuất kho:

Công ty đã áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá hàng hóa xuất kho. Hàng hóa xuất kho được tính như sau:

Đơn giá bình quân trước mỗi lần xuất kho = $\frac{\text{Trị giá thực tế vật tư tồn kho tại thời điểm xuất kho}}{\text{Số lượng vật tư tồn kho tại thời điểm xuất kho}}$

2.2.2.2. Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty cổ phần DT&PT Hải Nam

Hàng hóa trong công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán hàng tồn kho phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của hàng hóa, chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ hơn tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

Kế toán thực hiện hạch toán chi tiết hàng tồn kho phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty đó là hình thức” Thẻ song song”.

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2016, Công ty mua găng tay cao su 3.230 đôi , đơn giá chưa bao gồm thuế 10.395 đồng/ đôi, kính bảo hộ 2.030 cái đơn giá 9.720 đồng/ cái, thuế suất 10%, chưa thanh toán cho Công ty Minh Ngọc(hoá đơn GTGT số 57049). Chi phí vận chuyển bốc dỡ thuê ngoài là 536.800đ bao gồm cả thuế GTGT 10% đã trả bằng tiền mặt.

Như vậy giá trị thực tế của số hàng là:

$$53.307.450 + 488.000 = 53.795.450$$

<i>1a.</i>	Nợ TK 156 :	53.307.450
	156 – Găng tay BH :	33.575.850
	156 – Kính bảo hộ:	19.731.600
	Nợ TK 133 (1331):	5.330.745
	Có TK 331-MN:	58.638.195
<i>1b.</i>	Nợ TK 156 :	488.000
	Nợ TK 133 (1331):	48.800
	Có TK 111:	536.800

Biểu số 2.1 :Hóa đơn GTGT

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT 3/001	
		Liên 2: Giao cho người mua		AA/16T	
		Ngày 10 tháng 12 năm 2016		0057049	
Đơn vị bán hàng: Công ty May Mặc Minh Ngọc					
Mã số thuế : 0200680546					
Địa chỉ: Số 83 Hạ lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.822.229					
Số tài khoản: 28388239					
Đơn vị mua hàng: Công ty CP ĐT & PT Hải Nam					
Mã số thuế : 0200658685					
Địa chỉ :Số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3649.586					
Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản: 154364739					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Găng tay cao su	Đôi	3.230	10.395	33.575.850
2	Kính bảo hộ	Cái	2.030	9.720	19.731.600
Cộng tiền hàng					53.307.450
Thuế suất GTGT:10 %		Tiền thuế GTGT:		5.330.745	
Tổng cộng tiền thanh toán :				58.638.195	
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi năm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

Biểu Số 2.2: Biên Bản Giao Nhận Hàng**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2016

Chúng tôi gồm có:

1/BÊN NHẬN HÀNG (gọi tắt là Bên A): Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

Địa chỉ: Số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng.

Đại diện: Ông (Bà): Hoàng Minh Hạnh

Chức vụ: Nhân viên

2/ BÊN GIAO HÀNG (gọi tắt là Bên B): Công ty may mặc Minh Ngọc

Địa chỉ: Số 83 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Đại diện: Ông (Bà): Nguyễn Hiếu

Chức vụ: Nhân viên

SỐ LƯỢNG HÀNG BÊN B GIAO CHO BÊN A NHƯ SAU:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số Lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
1	Găng tay cao su	Đôi	3.230	x	
2	Kính bảo hộ	Cái	2.030	x	

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

- Kèm theo chứng từ: HĐ GTGT 0057049
- Biên bản kết thúc vào 15^h00 cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho:

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số :56

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Họ tên người giao hàng :Trương Ngọc Thắng

Theo hoá đơn GTGT số 0057049

Nhập tại kho : Hàng hóa

STT	Tên, nhãn hiệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Găng tay cao su	Đôi	3.230	3.230	10.395	33.575.850
2	Kính bảo hộ	Cái	2.030	2.030	9.720	19.731.600
	Cộng					53.307.450

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : **Năm mươi ba triệu, ba trăm linh bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng.**

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Người lập	Người nhận	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
phiếu	hàng	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)			

Ví dụ 2 : Ngày 20/12/2016, Công ty mua mũ bảo hộ: Mũ nhựa có nùm vắn với số lượng 105 cái, đơn giá chưa bao gồm thuế 35.600 đồng/ cái; Mũ nhựa có lỗ thoáng khí với số lượng 135 cái đơn giá chưa bao gồm thuế 38.900 đồng/ cái, thuế suất 10% công ty chưa thanh toán cho Công ty may mặc Minh Ngọc (HĐGTGT 57098).

Trị giá hàng hóa thực tế nhập kho là:

- Mũ nhựa có nùm vắn: $105 \times 35.600 = 3.738.000$
- Mũ nhựa có lỗ thoáng khí : $135 \times 38.900 = 5.251.500$

Định khoản:

Nợ TK 156: 8.989.500

Nợ TK 133: 898.950

 Có TK 331: 9.888.450

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT 3/001	
		Liên 2: Giao cho người mua		AA/16T	
		Ngày 20 tháng 12 năm 2016		0057098	
Đơn vị bán hàng: Công ty May Mặc Minh Ngọc					
Mã số thuế : 0200680546					
Địa chỉ: Số 83 Hạ lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3822.229					
Số tài khoản: 28388239					
Đơn vị mua hàng: Công ty CP ĐT & PT Hải Nam					
Mã số thuế : 0200658685					
Địa chỉ :Số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3649.586					
Hình thức thanh toán : CK			Số tài khoản: 154364739		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Mũ nhựa có nún vắn	Cái	105	35.600	3.738.000
2	Mũ nhựa có lỗ thoáng khí	Cái	135	38.900	5.251.500
Cộng tiền hàng					8.989.500
Thuế suất GTGT:10 %		Tiền thuế GTGT:		898.950	
Tổng cộng tiền thanh toán :				9.888.450	
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

Biểu Số 2.5: Biên Bản Giao Nhận Hàng**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Chúng tôi gồm có:

1/BÊN NHẬN HÀNG (gọi tắt là Bên A): Công ty CPĐT & PT Hải Nam

Địa chỉ: Số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng.

Đại diện: Ông (Bà): Hoàng Minh Hạnh

Chức vụ: Nhân viên

2/ BÊN GIAO HÀNG (gọi tắt là Bên B): Công ty may mặc Minh Ngọc

Địa chỉ: Số 83 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Đại diện: Ông (Bà): Nguyễn Hiếu

Chức vụ: Nhân

viên

SỐ LƯỢNG HÀNG BÊN B GIAO CHO BÊN A NHƯ SAU:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số Lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
1	Mũ nhựa có nùm vắn	Cái	105	x	
2	Mũ nhựa có lỗ thoáng khí	Cái	135	x	

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

- Kèm theo chứng từ: HĐ GTGT 0057098
- Biên bản kết thúc vào 15^h00 cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho:

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số :76

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

Họ tên người giao hàng : Trương Ngọc Thắng

Theo hoá đơn GTGT số 0057098

Nhập tại kho : Hàng hóa

STT	Tên, nhãn hiệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo CT	Thực nhập		
1	Mũ nhựa có nún vắn	Cái	105	105	35.600	3.738.000
2	Mũ nhựa có lỗ thoáng khí	Cái	135	135	38.900	5.251.500
	Cộng					8.989.500

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : **Tám triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng.**

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ví dụ 3: Ngày 11/12/2016, xuất kho 200 mũ nhựa có nùm vắn bán trực tiếp cho Công ty Minh Phát – Hà Nội với giá xuất là 35.600 đồng/ cái, giá bán là 42.500 đồng/ cái, VAT 10% công ty chưa thu tiền.

Định khoản:

1a.	Nợ TK 632:	7.120.000
	Có TK 156:	7.120.000
1b.	Nợ TK 131:	9.350.000
	Có TK 511:	8.500.000
	Có TK 3331:	850.000

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT 3/001			
Liên 3: Nội bộ		AA/16T			
Ngày 11 tháng 12 năm 2016		0057147			
Đơn vị bán hàng: Công ty CP ĐT & PT Hải Nam					
Mã số thuế : 0200658685					
Địa chỉ :Số 66 Trần Quốc Toản, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3649.586					
Hình thức thanh toán : CK			Số tài khoản: 154364739		
Đơn vị mua hàng: Công ty Minh Phát					
Mã số thuế : 0200742125					
Địa chỉ: Số 83 Nguyễn Văn Linh. P. Phúc Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.					
Điện thoại: 0901.643.366					
Số tài khoản: 400167328					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Mũ nhựa có nùm vắn	Cái	200	42.500	8.500.000
Cộng tiền hàng					8.500.000
Thuế suất GTGT:10 %		Tiền thuế GTGT:		850.000	
Tổng cộng tiền thanh toán :				9.350.000	
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, ba trăm năm mươi nghìn.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.8: Phiếu Xuất Kho

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

Số: 103

- Họ và tên người nhận hàng: Trần Lâm Địa chỉ (bộ phận): Hà Nội

- Lý do xuất kho: Xuất bán cho Minh Phát

- Xuất tại kho (ngăn lô): Công ty

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Chứng từ	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Mũ bảo hộ có núm vặn	Cái	200	200	35.600	7.120.000
	Cộng		200	200	35.600	7.120.000

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 31/12 xuất bán 3.250 đôi găng tay cao su cho Thanh Tân- Hải Dương với giá xuất là 9.560 đồng/ đôi giá bán chưa thuế là 10.820 đồng/ đôi, thuế 10% khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

Định khoản:

1a.	Nợ TK 632:	31.070.000
	Có TK 156:	31.070.000
1b.	Nợ TK 131:	38.681.500
	Có TK 511:	35.165.000
	Có TK 3331:	3.516.500

Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT 3/001			
Liên 3: Nội bộ		AA/16T			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016		0057187			
Đơn vị bán hàng: Công ty CP ĐT & PT Hải Nam					
Mã số thuế : 0200658685					
Địa chỉ :Số 66 Trần Quốc Toàn, Bạch Đằng II- Thị trấn Núi Đèo- Huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3649.586					
Hình thức thanh toán : CK			Số tài khoản: 154364739		
Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần Thanh Tân					
Mã số thuế : 0800273856					
Địa chỉ: Số nhà 105, phố Yết Kiêu, P. Thanh Tân, TP. Hải Dương.					
Điện thoại: 0913.561.863					
Số tài khoản: 466358376					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1 x 2
1	Găng tay cao su	Đôi	3.250	10.820	35.165.000
Cộng tiền hàng					35.165.000
Thuế suất GTGT:10 %		Tiền thuế GTGT:		3.516.500	
Tổng cộng tiền thanh toán :				38.681.500	
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.10: Phiếu Xuất Kho

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 134

- Họ và tên người nhận hàng: Vũ Thị Nga Địa chỉ (bộ phận): Hải Dương
- Lý do xuất kho: Xuất bán cho Thanh Tân
- Xuất tại kho (ngăn lô): Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Chứng từ	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Găng tay cao su	Đôi	3.250	3.250	9.560	31.070.000
	Cộng		3.250	3.250	9.560	31.070.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

Biểu số 2.11: Thẻ Kho

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Mẫu số S09 -DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Găng tay cao su

Tháng 12/2016

ĐVT: vnd

STT	NT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				Tồn đầu kỳ				<u>5.560</u>
....			
4	03/12		PX54	Xuất găng tay cao su bán cho Phan Anh_ Hà Nội	3/12		1.045	6.290
							
12	10/12	PN56		Mua găng tay cao su của công ty Minh Ngọc	10/12	3.230		18.790
							
16	16/12	PN64		Mua găng tay cao su của Thanh Tùng	16/12	2.106		15.968
							
21	31/12		PX134	Xuất kho găng tay cao su bán cho Thanh Tân	31/12		3.250	12.590
				Cộng		24.148	17.537	
				Tồn cuối kỳ				<u>12.171</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Thẻ Kho

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Mẫu số S09 -DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Mũ bảo hộ có núm vặn
Tháng 12/2016

STT	NT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				Tồn đầu kỳ				<u>8.569</u>
							
1	01/12	PN25		Mua mũ bảo hộ có núm vặn	01/12	300		8.869
							
16	11/12		PX103	Xuất kho mũ bảo hộ có núm vặn bán cho Minh Phát	11/12		200	30.399
							
19	17/12		PX112	Xuất kho mũ bảo hộ có núm vặn bán cho Hoàng Bình	17/12		150	33.940
25	20/12	PN76		Mua mũ bảo hộ có núm vặn	20/12	105		33.835
							
				Cộng		27.200	8.542	
				Tồn cuối kỳ				<u>27.227</u>

Ngày 31 tháng.12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

Thủy Nguyên, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tài khoản 156(Găng tay cao su)

Tháng 12/2016

Đơn vị tính : Đô

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Tồn đầu kỳ		<u>9.800</u>					<u>5.560</u>	<u>54.488.000</u>
									
PN56	10/12	Mua găng tay cao su của công ty Minh Ngọc	331	10.395	3.230	33.575.850			18.790	195.322.050
....									
PX134	31/12	Xuất kho găng tay cao su bán cho Thanh Tân	632	9.560			3.250	31.070.000	12.590	120.360.400
...							
		SPS			24.148	240.388.800	17.537	188.838.450		
		Tồn cuối kỳ							<u>12.171</u>	<u>106.038.350</u>

Người lập biểu
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Mẫu số S20-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA*Tài khoản 156(Mũ nhựa có nút vặn)**Tháng 12/2016*

Đơn vị tính : Cái

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		<u>34.780</u>					<u>8.569</u>	<u>298.029.820</u>
...
PX103	11/12	Xuất bán mũ nhựa có nút vặn cho Minh Phát	632	35.600			200	7.120.000	30.399	1.082.204.400
									
PN76	20/12	Mua mũ nhựa có nút vặn của công ty Minh Ngọc	632	35.600	105	3.738.000			33.835	1.204.526.000
...
		SPS			27.200	968.320.000	8.542	304.095.200		
		Tồn cuối kỳ							<u>27.227</u>	<u>962.254.620</u>

Người lập biểu
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Bảng Tổng Hợp Nhập Xuất Tồn

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Mẫu số S11-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP - XUẤT - TỒN HÀNG HÓA

TÀI KHOẢN: 156

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Găng tay cao su	5.560	54.488.000	24.148	240.388.800	17.537	188.838.450	12.171	106.038.350
2	Mũ bảo hộ có núm vặn	8.569	298.029.820	27.200	968.320.000	8.542	304.095.200	27.227	962.254.620
3	Kính bảo hộ	8.450	75.403.500	12.250	122.780.650	9.783	110.230.784	10.235	87.953.366

	Cộng		3.526.452.300		2.482.970.183		1.566.321.720		4.443.100.763

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.2.3. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

2.2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua hàng.
- Phiếu nhập kho(mẫu 01- VT).
- Phiếu xuất kho(mẫu 02- VT).
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng....
- Và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

- Tài khoản 156: Hàng hóa.

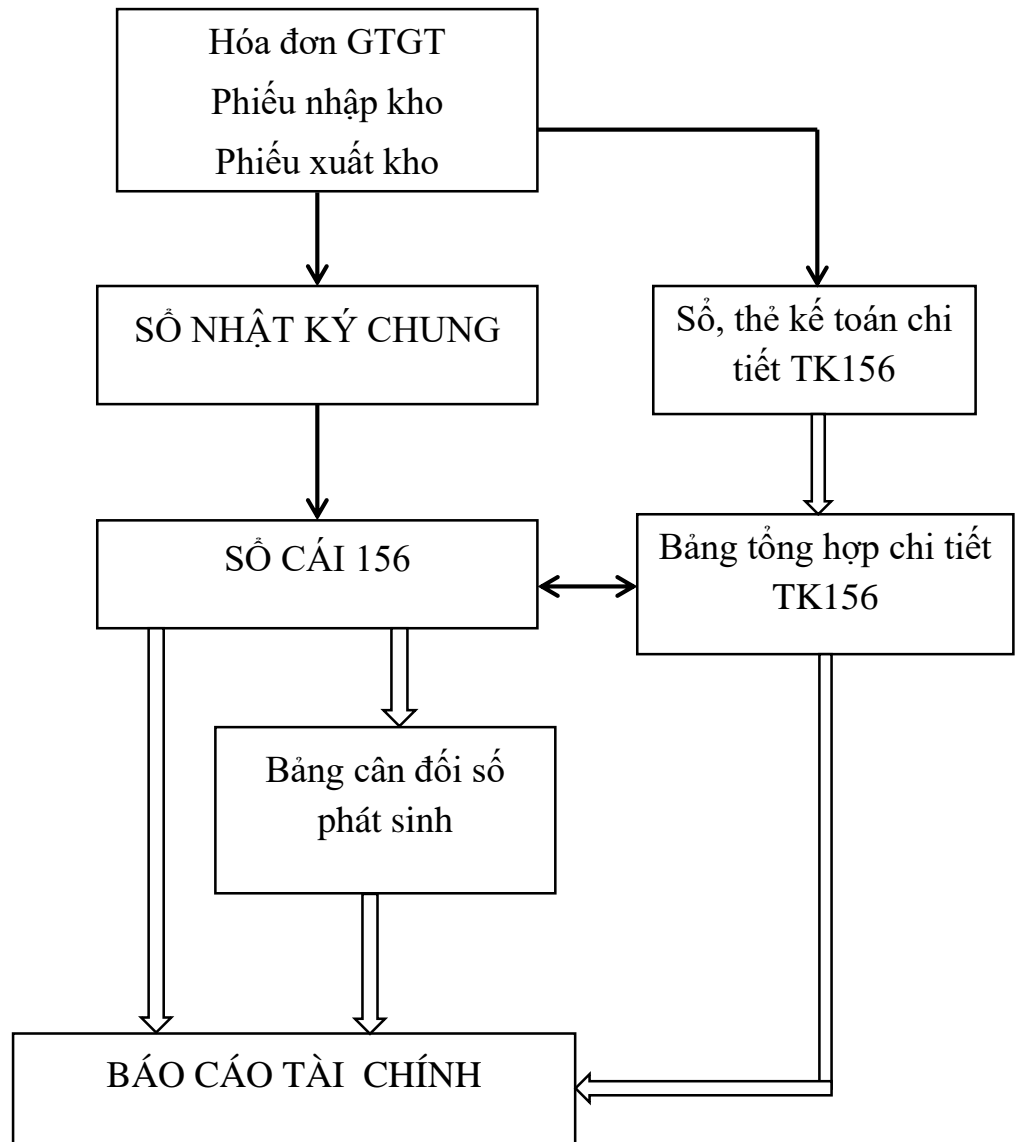
Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hoá của doanh nghiệp bao gồm hàng hoá tại các kho hàng, quầy hàng...

Hàng hoá là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán (Bán buôn và bán lẻ). Giá gốc hàng hoá mua vào, bao gồm: Giá mua theo hoá đơn và chi phí thu mua hàng hoá. Đối với hàng hoá đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (Kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hoá hạch toán vào tài khoản này chỉ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hoá như: Chi phí bảo hiểm hàng hoá, tiền thuê kho, thuê bến bãi,... chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hoá từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp; các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hoá.

Các tài khoản khác có liên quan:

- + TK 111: Tiền mặt.
- + TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
- + TK 331: Phải trả người bán và được mở chi tiết cho từng người bán.
- + TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ.
- + TK 632: Giá vốn hàng bán.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Biểu số 2.16 : Nhật ký chung

Mẫu số S03a-DNN

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Thủy Nguyên, Hải Phòng.

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
					
10//12	PN56 HD57049	10/12	Nhập kho găng tay cao su và kính bảo hộ	156 133 331	53.307.450 5.330.745	58.638.195
11//12	PX103 HD57147	11/12	Xuất bán mũ nhựa có núm vặn bán cho Minh Phát- Hà Nội	632 156 131 511 3333	7.120.000 9.350.000	7.120.000 8.500.000 850.000
					
20/12	PN76 HD57098	20/12	Nhập kho mũ nhựa có núm vặn và mũ có lỗ thoáng khí. DN chưa thanh toán	156 133 331	8.989.500 898.850	9.888.450
					
31/12	PX134 HD57187	31/12	Xuất bán găng tay cao su cho Thanh Tân- Hải Dương	632 156 131 511 3331	31.070.000 38.681.500	31.070.000 35.165.000 3.516.500
			Cộng		32.934.158.265	32.934.158.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.17 : Sổ Cái

Công ty CP ĐT & PT Hải Nam
Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Hàng hóa

Số hiệu: 156

Tháng 12 Năm 2016

(Đơn vị tính: VNĐ)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Dư đầu kỳ		<u>3.526.452.300</u>	
					
10/12	PN56	10/12	Nhập kho găng tay cao su và kính bảo hộ	331	53.307.450	
11/12	PX103	11/12	Xuất bán mũ nhựa có nùm vện cho Minh Phát – Hà Nội	632		7.120.000
					
20/12	PN76	20/12	Nhập kho mũ nhựa có nùm vện và mũ có lỗ thoáng khí	331	8.989.500	
					
31/12	PX134	31/12	Xuất hàng bán găng tay cao su cho Thanh Tân – Hải Dương	632		31.070.000
			Cộng phát sinh		2.482.970.183	1.566.321.720
			Dư cuối kỳ		<u>4.443.100.763</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CP ĐT & PT HẢI NAM****3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.****3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty Đầu tư và phát triển Hải Nam trong thời gian tới.**

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, công ty đã trải qua không ít những khó khăn thách thức, đặc biệt là sự chuyển đổi của cơ chế thị trường. Tuy nhiên công ty đã khắc phục được những khó khăn và đạt được thành công nhất định như ngày hôm nay:

- Hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Đảm bảo được đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.
- Đầu tư không ngừng vào việc mở rộng quy mô kinh doanh.
- Thường xuyên tăng cường tuyển dụng những nhân viên có trình độ chuyên môn cao để đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh trong tình hình hiện nay.

3.1.2. Những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng.**➤ Ưu điểm****❖ Tổ chức công tác quản lý kinh doanh:**

Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung nên mọi chứng từ sổ sách đều tập trung nên mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán và chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng.

Bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát trực tiếp của lãnh đạo công ty, phân công công việc theo hướng chuyên môn hóa(phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người).

❖ Tổ chức công tác kế toán:

Về tổ chức bộ máy kế toán: Phòng kế toán với những nhân viên giàu kinh nghiệm đã làm việc lâu năm trong ngành. Hiện nay với yêu cầu nâng cao trong công tác kế toán, phòng kế toán thường xuyên chú trọng đến việc cập nhật, bổ sung những quy định và thông tư mới nhất ban hành của nhà nước theo đó cũng có những chính sách bồi dưỡng nhân viên để có thể đáp ứng được nhu cầu của công việc. Đảm bảo làm đúng, làm đủ, chính xác những quy định và mục tiêu đề ra đem lại lợi ích cho doanh nghiệp.

Về chế độ kế toán áp dụng: Công tác tổ chức kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC Ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

Hệ thống tài khoản: áp dụng hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC Ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC. Công ty luôn cập nhật những thay trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực và thông tư hướng dẫn, các quy định của nhà nước.

Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho,... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép hàng ngày một cách đầy đủ và chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán được dễ dàng. Các chứng từ được lưu trữ theo từng loại, sắp xếp theo trình tự để thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu kiểm tra số liệu.

Hệ thống sổ sách: Hàng ngày, khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được bộ phận kế toán có liên quan phản ánh ngay vào các chứng từ kế toán và tiến hành nhập liệu vào sổ sách. Các chứng từ gốc được Công ty sử dụng để hạch toán các nghiệp vụ bán hàng phát sinh như phiếu thu, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho đều được lập đầy đủ, chính xác theo đúng thời gian, có chữ ký xác nhận của các bộ phận liên quan, đúng chế độ tài chính quy định. Bên cạnh đó, các chứng từ được ghi trong sổ sách cũng đảm bảo phản ánh đầy đủ các nội dung ghi trong chứng từ gốc. Ngoài ra, quy trình xử lý, trình tự luân chuyển

chứng từ được bộ phận kế toán tổ chức khoa học, hợp lý, tránh chồng chéo, giúp cho việc hạch toán được nhanh chóng, kịp thời.

❖ **Về công tác thu mua, sử dụng hàng tồn kho.**

Trong công tác theo dõi nhập- xuất- tồn hàng hóa trong kỳ, kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm hàng hóa trên hệ thống sổ sách của công ty. Công ty Cổ phần đã xây dựng một quy trình nhập kho, xuất kho hàng hóa tương đối hoàn thiện: chẳng hạn, đối với hoạt động nhập kho, dựa vào kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch dự trữ hàng tồn kho, yêu cầu mua hàng → phòng kinh doanh lập giấy đề nghị mua hàng(sau khi được phê duyệt) → lập đơn hàng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa → lập phiếu nhập kho hàng hóa và tiến hành cho hàng hóa nhập kho.

Đối với hoạt động xuất kho: phòng kinh doanh nhận được đơn đặt hàng của khách hàng → kế toán bán hàng và thủ kho tiến hành kiểm tra hàng hóa trong kho(đủ, đúng quy cách) đồng thời lập phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT → xuất kho hàng hóa và chuyển chứng từ cần thiết cho bên mua.

❖ **Về kế toán chi tiết hàng hóa:**

Công ty hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp này là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm, ngành nghề kinh doanh của công ty. Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa thực tế trong kho về số lượng, phẩm chất và quy cách hàng hóa. Kế toán theo dõi hàng hóa thông qua sổ sách và cụ thể là sổ chi tiết hàng hóa. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp xuất- nhập- tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

❖ **Về kế toán tổng hợp hàng tồn kho:**

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên tại bất cứ thời điểm nào cũng có thể tính được số lượng nhập xuất, tăng giảm của hàng

hóa. Như vậy công ty có điều kiện quản lý tốt hàng hóa và hạch toán chặt chẽ đúng theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán.

❖ Về phương pháp tính giá hàng xuất kho:

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam tính trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn giúp cho kế toán có thể cập nhật được giá nhanh nhất do mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân.

➤ *Nhược điểm*

Bên cạnh những kết quả đạt được về kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng tại công ty vẫn tồn tại những bất cập nhất định và cần phải được tiếp tục hoàn thiện.

❖ Về việc công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán

Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp kế toán tự động hóa rất nhiều thao tác thủ công thông thường phần mềm kế toán có công cụ để xây dựng rất nhiều loại danh mục đối tượng, danh mục nhóm đối tượng danh mục vật tư hàng hóa, danh mục hạng mục/ công trình, danh mục công việc, danh mục nhóm công việc, danh mục loại thuế, danh mục tiền tệ... một khi bạn đã xây dựng bạn có thể dùng lại mà không phải mất công nhập lại nhiều lần.

Phần mềm kế toán giúp công tác kế toán chính xác hơn.

Phần mềm kế toán là một công cụ tra cứu tốt.

Phần mềm kế toán giúp các nhà quản lý đưa ra quyết định và dự báo nhanh chóng và chính xác.

Phần mềm kế toán giúp doanh nghiệp tránh được việc gian lận hay trộm cắp tiền, tài sản của doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán giúp công tác báo cáo thuế dễ dàng hơn.

Phần mềm kế toán giúp công tác kế toán có tính kế thừa hiệu quả.

Cuối cùng nhưng không phải là kém quan trọng nhất đó là phần mềm kế toán giúp đội ngũ quản lý giải phóng sức lao động. Thay vì ngổn ngang giải quyết sự vụ do thông tin kế toán, quản trị không rõ ràng nhanh chóng, đội ngũ quản lý có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc phân tích, dự báo, xây dựng

chiến lược, kế hoạch quản lý, sản xuất, kinh doanh tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất, kinh doanh đem lại nhiều lợi ích, giá trị hơn cho bản thân, doanh nghiệp và xã hội.

Về việc lập sổ danh điểm hàng hóa

Sổ danh điểm hàng hóa là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại hàng hóa đã và đang kinh doanh, được theo dõi từng loại, từng nhóm, quy cách hàng hóa một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm hàng hóa có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm hàng hóa được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay công ty không có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa. Việc không lập sổ danh điểm hàng hóa sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Việc quản lý hàng hóa có thể sẽ có nhầm lẫn, thiếu thống nhất và rất khó để phân biệt các nhóm, loại hàng hóa.

❖ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hiện giá cả hàng hóa tại kho của công ty có chút biến động so với giá cả trên thị trường, cụ thể là cao hơn so với giá thị trường. Tại công ty vẫn chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho điều này sẽ gây tổn thất không nhỏ trong công việc kinh doanh của công ty.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty CPĐT & PT Hải Nam.

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý đã khẳng định vai trò, vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra và tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi xu thế cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định "số phận" của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Như chúng ta đã biết hàng tồn kho là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Hạch toán kế toán hàng hóa đầy đủ, chính xác là một trong những

yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển để từ đó doanh nghiệp tiến tới tối đa hóa lợi nhuận và khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường, chính vì vậy công tác hạch toán kế toán hàng hóa là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp thương mại.

Công ty có rất nhiều cố gắng trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng hóa xong vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và chủ động hàng hóa để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác quản lý và hạch toán kế toán hàng hóa tại công ty vô cùng quan trọng.

Hoàn thiện giúp Công ty có phương hướng khắc phục những điểm yếu trong công tác kế toán hàng hóa, giúp ban lãnh đạo công ty nắm chắc tình hình hoạt động kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.

Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của công ty làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

Hoàn thiện giúp cho công tác hàng tồn kho nắm bắt chính xác số lượng, giá trị hàng tồn kho: đảm bảo chất lượng và hàng kém chất lượng, hàng chậm tiêu thụ... để kịp thời điều chỉnh.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng là công cụ đắc lực của doanh nghiệp, trong quản lý kinh doanh nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo chính sách chế độ quản lý kế toán tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng những yêu cầu sau:

Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán mà Bộ tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo khả năng so sánh,

đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, kinh doanh và công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất khác nhau thì sẽ chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp hạch toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho) để đảm bảo phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ chuẩn mực của Nhà nước.

Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kế toán của doanh nghiệp sẽ không được đảm bảo tính hợp lý, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định thắng lợi của doanh nghiệp trong sự cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.

Hoàn thiện việc hạch toán hàng tồn kho phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác nhau, giữa kế toán tổng hợp với kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị, kế toán hàng tồn kho cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một mảng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì công tác kế toán hàng hóa mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty.

3.2.3.1. Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Việc ứng dụng các phần mềm kế toán vào công tác quản lý kế toán hiện nay đang rất phổ biến trong các doanh nghiệp.

Việc sử dụng phần mềm giúp tiết kiệm cho doanh nghiệp trong việc quản lý thời gian lẫn chi phí. Đây là 2 yếu tố tiêu chuẩn cho việc phát triển của bất kì doanh nghiệp nào. Tiết kiệm có nghĩa tăng thu nhập và tốc độ phát triển của doanh nghiệp.

Nâng cao hiệu quả và phát triển cho doanh nghiệp. Phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu năng, nâng cao khả năng quản lý, nâng cấp hay mở rộng quy mô quản lý một cách nhanh và hiệu quả nhất.

Cải thiện và đơn giản khi sử dụng phần mềm kế toán, giúp doanh nghiệp có cái nhìn tổng thể về tình hình kinh doanh. Kiểm soát và cải thiện tình hình kinh doanh một cách gọn gàng và dễ dàng.

Khi lựa chọn sử dụng một phần mềm kế toán nào đó, đầu tiên doanh nghiệp sẽ cân nhắc đến tiêu chí phần mềm đó có dịch vụ kế toán thuế phù hợp với quy mô và nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp hay không. Dựa theo tiêu chí đó, hiện tại có ba phần mềm được coi là phổ biến nhất trong các doanh nghiệp cả về thương mại dịch vụ lẫn xây dựng, sản xuất..., đó là: Phần mềm Misa, Fast và LinkQ.

Phần mềm kế toán Misa:



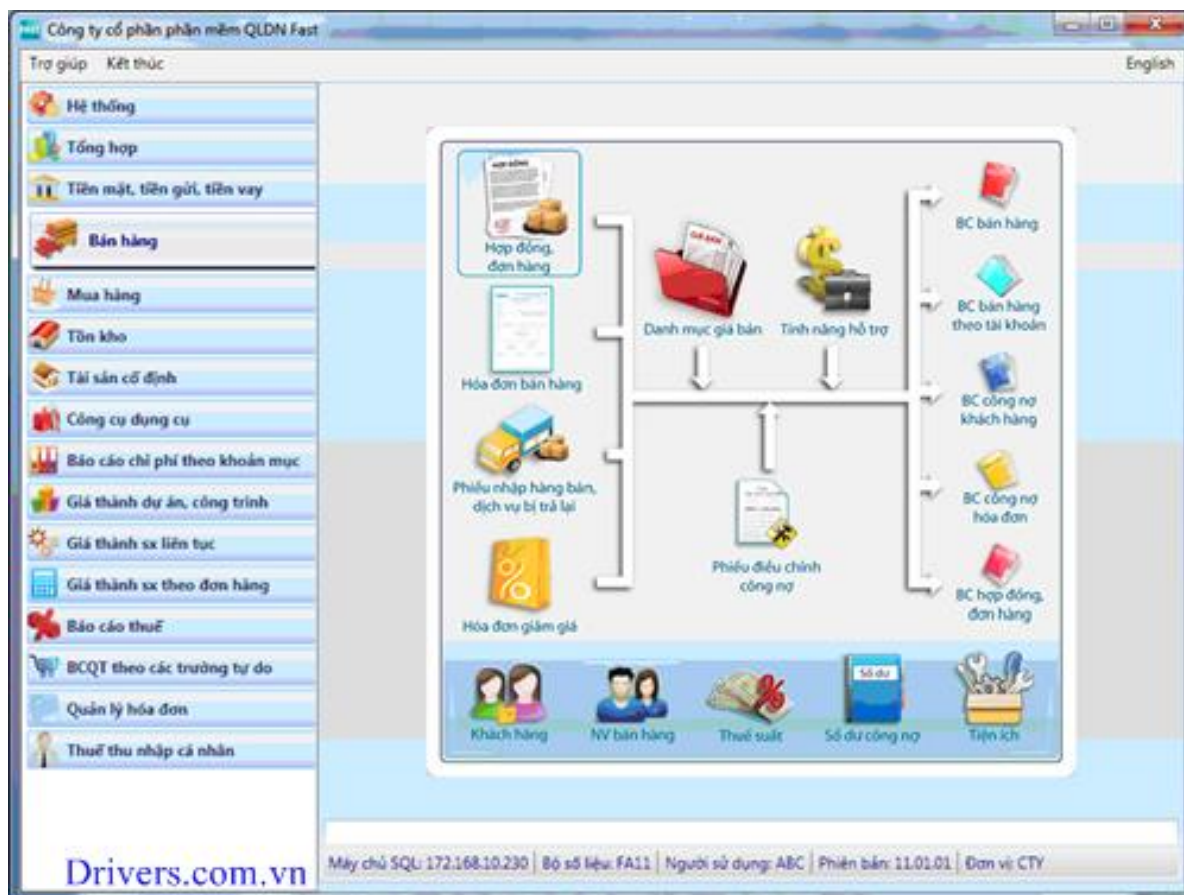
Phần mềm Misa là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, nó được áp dụng trong các trường hợp:

+ Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp, hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và có mô hình hoạt động lớn ở mức độ tương đối, hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

+ Phần mềm Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện của kế toán thuế trọn gói phần mềm trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không phức tạp, không bị nhức mắt, cho phép người dùng cập nhật dữ liệu một cách linh hoạt.

+ Và điểm nổi trội nữa của Misa đó là chức năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu khá là nhanh chóng, điều này rất quan trọng đối với người sử dụng, và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu Sql và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất cao.

Phần mềm kế toán Fast:



Đây là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô hoạt động từ nhỏ đến lớn, điển hình là các doanh nghiệp lớn cần phải báo cáo về việc quản lý thường xuyên, hay các doanh nghiệp sản xuất xây dựng thì nên dùng đến phần mềm kế toán Fast.

Và chắc chắn Fast cũng sẽ có nhiều ưu điểm như: giao diện làm việc cũng rất dễ chịu, luôn cập nhật nhanh những thay đổi mới nhất về các chính sách – điều khoản về thuế, nghị định và các thông tư Bộ tài chính đưa ra, bám sát vào các chế độ kế toán hiện hành, dịch vụ báo cáo thuế hàng tháng công việc xử lý dữ liệu – số liệu của doanh nghiệp diễn ra một cách nhanh chóng, Fast cho phép người dùng kết xuất báo cáo ra bằng Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp mắt.

- Phần mềm kế toán LinkQ:



LinkQ là phần mềm được xây dựng dựa trên công cụ lập trình phần mềm tiên tiến, đó là C#.NET, có cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp dựa trên Font chuẩn tiếng việt Unicode.

Phần mềm LinkQ cũng có những ưu điểm nổi trội, như:

- + Mô hình cung cấp thông tin dữ liệu cho phép người dùng có thể tập hợp và quản lý theo sơ đồ chuẩn: Tổng công ty – công ty thành viên- chi nhánh.
- + Có tính linh động, dễ chỉnh sửa: điều này cho phép người dùng dễ dàng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.
- + Theo dõi chính xác và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ khác nhau.

+ Cho phép người dùng làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng 1 thời điểm, di chuyển nhanh đến các danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác nhau.

+ Phần mềm Giao diện làm việc và báo cáo bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác, giao diện này do người dùng tự định nghĩa.

+ Kết xuất dữ liệu ra bộ office một cách dễ dàng, thuận tiện kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.

+ Được tích hợp trên nhiều hệ điều hành khác nhau như: Winxp, Win Vista hay Win 7

+ Có thể dễ dàng kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp doanh nghiệp có bán hàng có showroom, công ty có chi nhánh hoặc các công ty con..).

3.2.3.2. Về việc hoàn thiện việc lập sổ danh điểm hàng hóa

Việc áp dụng phần mềm kế toán sẽ giúp cho việc xây dựng sổ danh điểm hàng hóa có hiệu quả hơn cụ thể là giúp cho việc quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập- xuất- tồn kho. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm hàng hóa, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính xác, đầy đủ không trùng lặp. Công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

+ Mã hàng hóa theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất.

+ Khi cần thiết ta kéo dài về bên phải. Ví dụ hàng hóa có hai nhóm thì tên mỗi nhóm ta thêm hai chữ số mã hóa về bên phải đằng sau mã của nhóm cho đến hết hai loại:

➤ 156.01: Nhóm găng tay bảo hộ

Trong đó: 156.01.01: Găng tay da

156.01.02: Găng tay cao su

....

➤ 156.02: Nhóm mũ bảo hộ

Trong đó: 156.02.01: Mũ nhựa có núm vặn

156.02.02: Mũ nhựa có lỗ thoáng khí

....

➤ 156.03: Nhóm quần áo bảo hộ

Trong đó: 156.03.01: Quần áo bảo hộ cotton

156.03.02: Quần áo bảo hộ kaki

....

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các loại hàng hóa tại công ty, em thấy công ty sổ danh điếm hàng hóa có thể xây dựng như sau:

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa**SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA**

Mã nhóm hàng hóa	Danh điểm hàng hóa	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
156.01		Nhóm găng tay bảo hộ		
	156.01.01	Găng tay da	Đôi	
	156.01.02	Găng tay cao su	Đôi	
		
156.02		Nhóm mũ bảo hộ		
	156.02.01	Mũ nhựa có núm vặn	Cái	
	156.02.02	Mũ nhựa có lỗ thoáng khí	Cái	
		
156.03		Quần áo bảo hộ		
	156.03.01	Quần áo bảo hộ cotton	Bộ	
	156.03.02	Quần áo bảo hộ kaki	Bộ	
		

3.2.3.3. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc "thận trọng" của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Doanh nghiệp nên thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được việc chênh lệch kịp thời, không làm ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động cũng như sự chênh lệch giá cả.

Theo quy luật của nền kinh tế thị trường hàng hóa mua bán rất đa dạng và phong phú tùy theo nhu cầu sử dụng. Có thể năm nay giá cả của hàng hóa sẽ cao hơn năm trước và ngược lại, lại càng khó trong việc xác định kết quả kinh doanh. Em nghĩ việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự có ý nghĩa đối với công ty nhất là khi giá cả không ổn định mà chủng loại hàng hóa mua vào ngày càng nhiều do nhu cầu mở rộng kinh doanh, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng trong công tác kế toán và kiểm tra kế toán trong công ty.

Dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm niên độ kế toán, nên doanh nghiệp tích lũy được một nguồn tài chính mà đáng lẽ ra nó đã được phân chia.

Nguồn tài chính này tạm thời nằm trong nguồn tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp cho các khoản thiệt hại thực tế hàng tồn kho bị giảm giá phát sinh. Một điểm lợi nữa là lập dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện: Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá hàng tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng cho từng loại hàng hóa

và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty. Bảng kê này chính là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty sẽ hạn chế được rủi ro trong quá trình sản xuất, tránh được những tổn thất kinh tế do sự thay đổi giá cả của hàng hóa trên thị trường.

Cách hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Mức dự} & & \text{Lượng hàng hóa} & & \text{Giá gốc} \\ \text{phòng giảm} & & \text{thực tế tồn tại} & \times & \text{hàng hóa} \\ \text{giá hàng hóa} & = & \text{thời điểm lập} & & \text{tồn kho} \\ & & \text{báo cáo tài chính} & & \text{theo sổ} \\ & & & & \text{kế toán} \\ & & & & \text{Giá trị} \\ & & & & \text{thuần có} \\ & & & & \text{thể thực} \\ & & & & \text{hiện được} \\ & & & & \text{của hàng} \\ & & & & \text{hóa tồn kho} \end{array}$$

Ví dụ: Số lượng kính bảo hộ tồn trong kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính là 650 cái với đơn giá là 9.720đ/cái.

Thực tế, giá thị trường của kính bảo hộ là 8.780 đồng/ cái. Tức là giá trị của mặt hàng này đã giảm so với thị trường 940đ/cái.

Khi đó số tiền cần trích lập dự phòng cho hàng hóa này là:

$$650 \times 940 = 611.000\text{đ}$$

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Biểu số 3.2: Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho**BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO**

STT	Tên hàng hóa	Số lượng	Theo kế toán		Theo thị trường		Mức dự phòng cần lập
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	1	5=1x4	6=5-3
1	Găng tay cao su	500	10.820	5.410.000	9.560	4.780.000	630.000
2	Kính bảo hộ	650	9.720	6.318.000	8.780	5.707.000	611.000
3	Mũ nhựa có nút vặn	480	42.500	20.400.000	35.600	17.088.000	3.312.000
4	Mũ nhựa có lỗ thoáng khí	520	45.600	23.712.000	38.900	20.228.000	3.484.000
						
	Cộng						12.087.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán lập phiếu kế toán cho bút toán:

Nợ TK 632: 12.087.000

Có TK 1593: 12.087.000

3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam.

3.3.1. Về phía nhà nước

Áp dụng cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ trên thị trường cùng với khả năng còn yếu của doanh nghiệp trong nước đặt ra cho Nhà nước một vấn đề cấp bách cần phải giải quyết. Đó là làm thế nào để thực hiện tốt các cam kết hội nhập đồng thời khai thác các điểm mạnh trong nước và thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển. Vì mục tiêu chung, Nhà nước luôn cố gắng tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Đặc biệt là về chế độ kế toán, Nhà nước cần phải:

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng. Ban hành các quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp lý quy chế chặt chẽ.

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

3.3.2. Về phía doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng nhằm ngăn ngừa tình trạng thất thoát tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Không ngừng cải tiến đề bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn.

Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với các khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn và phát triển doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua một thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác hàng hóa tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Việc hạch toán hàng hóa là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo công tác lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ hàng hóa một cách thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận kinh doanh cho doanh nghiệp.

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:
Về lý luận vấn đề: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về công tác hạch toán kế toán hàng hóa hàng hóa ở doanh nghiệp.

Về thực tế: Đã phản ánh được thực trạng của công tác kế toán hàng hóa cũng như việc quản lý, sử dụng hàng tồn kho tại Công ty và chứng minh bằng số liệu năm 2016 cho các lập luận đưa ra.

Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam, bài khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương hướng hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty.

Do trình độ kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những khuyết điểm, em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các cô chú anh chị trong phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam, của các thầy cô giáo hướng dẫn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của Cô giáo Văn Hồng Ngọc, và các anh chị phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hải Nam đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.